TÀI LIỆU ÔN THI TN THPT MÔN LỊCH SỬ LỚP 12
(Chương trình Ban cơ bản)

PHẦN I. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1945 – 2000)

Bài 1. TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH

1. Những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta và hệ quả của những quyết định đó.

a/ Hoàn cảnh

- Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít

+ Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh

+ phân chia thành qủa chiến thắng giữa các nước thắng trận

- Từ ngày 4 – 11 / 2 / 1945 những người đứng đầu 3 cường quốc (Liên Xô, Anh và Mỹ) họp hội nghị ở Ianta (LX)

b/ Nội dung hội nghị

- Xác định mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
- Thành lập tổ chức Liên Hiệp quốc nhằm duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít, phân chia phạm vi chiếm đóng và ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

c/ Hệ quả: những qui định của hội nghị Ianta trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là trật tự hai cực Ianta.

2. Tổ chức Liên Hợp quốc

a / Hoàn cảnh ra đời :

- Đầu năm 1945 các nước đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng gìn giữ hoà bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh
- Tại hội nghị Ianta (2/1945) đã nhất trí thành lập một tổ chức quốc tế để gìn giữ hoà bình, an ninh và trật tự thế giới.
- Từ 25/4 – 26/6/1945 đại biểu của 50 nước họp ở Xanphơranxixco (Mĩ) để thông qua hiến chương Liên Hợp Quốc. Ngày 24/10/1945 trong phiên họp đầu tiên tại Luân Đôn (Anh) được coi là ngày chính thức thành lập Liên Hợp Quốc .

b/ Mục đích:

- Duy trì nền hòa bình và an ninh thế giới.
- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết các dân tộc.

***c/ <u>Nguyên tắc hoạt động</u>*:**

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và tự quyết của các dân tộc;
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước;

- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào;
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình;
- Chung sống hòa bình và nhất trí giữa 5 nước lớn: Liên Xô (Nga), Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

d/ vai trò : là tổ chức quốc tế lớn nhất, giữ vai trò quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, an ninh quốc tế, giải quyết các tranh chấp, xung đột khu vực, phát triển các mối quan hệ giao lưu giữa các nước thành viên.

e/ Các cơ quan chính:

- Đại hội đồng:Hội nghị của tất cả các nước thành viên mỗi năm họp một lần.
- Hội đồng bảo an: Cơ quan chính trị cao nhất, chịu trách nhiệm về gìn giữ hòa bình, an ninh quốc tế.
- Ban thư kí: Cơ quan hành chính của Liên Hợp quốc, đứng đầu là tổng thư kí do đại hội đồng bầu ra 5 năm một lần theo sự giới thiệu của Hội đồng bảo an.

g/ Những cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc đang hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam:

- Chương trình lương thực (PAM)
- Quỹ nhi đồng (UNICEF)
- Tổ chức lương thực và nông nghiệp (FAO)
- Chương trình phát triển (UNDP)
- Tổ chức văn hoá – giáo dục (UNESCO)
- Tổ chức y tế thế giới (WHO)
- Quỹ tiền tệ (IMF)

e. Mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên Hiệp Quốc

- Ngày 20/09/1977: Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc là thành viên thứ 149, đến năm 2006 LHQ có 192 quốc gia thành viên.
- Ngày 16/10/2007, Đại hội đồng đã bầu Việt Nam trở thành thành viên không thường trực của Hội đồng bảo an nhiệm kỳ 2008 - 2009 (1/1/2008 – 31 / 12 / 2009).

Bài 2
LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) – LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

3. Liên Xô từ năm 1945 đến giữa những năm 70 (những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng CNXH và ý nghĩa).

a) Bối cảnh lịch sử khi Liên Xô tiến hành công cuộc xây dựng CNXH

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, nhân dân Liên Xô phải gánh chịu những hi sinh và tổn thất hết sức to lớn: hơn 27 triệu người chết, 1710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị thiêu huỷ, 32.000 xí nghiệp bị tàn phá.
- Các nước phương Tây bao vây kinh tế và tiến hành chiến tranh lạnh nhằm tiêu diệt Liên Xô và các nước XHCN.
- Phong trào giải phóng dân tộc phát triển.

b) Những thành tựu

- *Về kinh tế:*

+ Nhân dân Liên Xô đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm (1946-1950) trước thời hạn 9 tháng. Công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh, nông nghiệp cũng vượt mức trước chiến tranh, năm 1949 chế tạo thành công bom nguyên tử.

+ Từ năm 1950 đến năm 1975, Liên xô đã thực hiện thắng lợi nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất của CNXH.

+ Về công nghiệp: đến nữa đầu những năm 1970, Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ)

+ Về nông nghiệp: Sản lượng nông phẩm trong những năm 1960 tăng trung bình khoảng 16%/năm.

- Về khoa học- kĩ thuật:

+ Chế tạo thành công bom nguyên tử (1949)

+ Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

+ Năm 1961, phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh Trái Đất

- Về mặt xã hội: có thay đổi rõ rệt về cơ cấu giai cấp và dân trí.

+Tỉ lệ công nhân chiếm hơn 55% lao động.

+Trình độ học vấn của người dân nâng cao: ¾ số dấn có trình độ trung học và đại học

- Về quân sự

+ Năm 1972, chế tạo thành công tên lửa hạt nhân.

+ Đầu những năm 70, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và tiềm lực hạt nhân nói riêng so với các nước phương Tây.

- Về chính trị:

+ Trong 30 năm đầu sau chiến tranh, tình hình chính trị Liên Xô ổn định.

+ Bên cạnh những thành tựu các nhà lãnh đạo Xô viết mắc phải những thiếu sót, sai lầm chủ quan, nóng vội , …

C) Ý nghĩa

- Chứng tỏ tính ưu việt của CNXH ở mọi lĩnh vực xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố an ninh quốc phòng .

- Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ .

d / Trong hoàn cảnh Liên bang CHXHCN Xô viết đã tan vỡ như hiện nay, anh (chị) có suy nghĩ gì về những thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô trong giai đoạn từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 ?

- Khẳng định những thành tựu đó là có thật

- Không vì sự tan vỡ của Liên Xô hiện nay mà phủ định sạch trơn những thành tựu đó . Bởi vì trong suốt thời gian đó, Liên Xô là thành trì của hoà bình là chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới

4. Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở Liên Xô. Nguyên nhân chính dẫn đến sự khủng hoảng chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

a*) Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở Liên Xô*

- *Tình hình kinh tế- xã hội*:

+ Cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973, thành tựu của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật đòi hỏi các nước phải có cải cách để thích nghi.

+ Liên Xô chậm đề ra những biện pháp sửa đổi để thích ứng với tình hình mới.

+ Cuối những năm 1970- đầu năm 1980, nền kinh tế Liên Xô ngày càng mất cân đối nghiêm trọng, nợ nước ngoài và lạm phát không ngừng tăng lên. Đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Tình hình chính trị diễn biến phức tạp.

- *Công cuộc cải tổ (1985-1991).*

+ Tháng 3/ 1985, M Goocbachop lên nắm quyền lãnh đạo, đã đưa ra đường lối tiến hành cải tổ. Công cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội.

Qua 6 năm thực hiện, công cuộc cải tổ ngày càng trục trặc, bế tắc và càng rời xa những nguyên tắc XHCN. Đến tháng 12-1990, công cuộc cải tổ về kinh tế thật sự thất bại. sự thiết lập quyền lực của Tổng thống và chuyển sang chế độ đa đảng đã thu hẹp và sau đó thủ tiêu chính quyền xô viết. Xã hội lâm vào rối loạn với những xung đột gay gắt giữa các dân tộc và các phe phái trên toàn liên bang.

- *Sự tan rã của Liên bang Xô viết*:

+ Ngày 19-8-1991, mốt số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô tiến hành đảo chính. Cuộc đảo chính nhanh chóng bị thất bại.21-8-1991

+ Đảng cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động 29-8-1991

+ Ngày 21-12-1991, cộng đồng các quốc gia độc lập SNG được thành lập.

+ 25-12-1991, lá cờ búa liềm trên nóc Điện Cremli bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ XHCN sau 74 năm tồn tại.

b) Nguyên nhân chính dẫn đến sụp đổ CNXH ở Liên Xô:

+ Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, sự thiếu dân chủ và công bằng.

+ Không bắt kịp bước phát triển của khoa học –kĩ thuật.

+ Sai lầm trong quá trình cải tổ.

+ Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

5. Những nét chính về Liên bang Nga từ 1991-2000

Liên bang Nga là quốc gia kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô trong quan hệ quốc tế.

- Về kinh tế: từ 1990 – 1995, tăng trưởng bình quân hằng năm của GDP là số âm. Giai đoạn 1996 – 2000 bắt đầu có dấu hiệu phục hồi *(năm 1990 là -3,6%, năm 2000 là 9%).*

- Về chính trị:

+ Tháng 12/ 1993, Hến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang.

+ Từ năm 1992, tình hình chính trị không ổn định do sự tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc, nổi bật là phong trào ly khai ở Tréc-ni-a.

- Về đối ngoại: Một mặt thân phương Tây, mặt khác khôi phục và phát triển các mối quan hệ với châu Á.

* Từ năm 2000, tình hình nước Nga có nhiều chuyển biến khả quan: kinh tế dần hồi phục và phát triển, chính trị và xã hội ổn định, vị thế quốc tế được nâng cao. Tuy

vậy, nước Nga vẫn phải đương đầu với nhiều thách thức: nạn khủng bố, li khai, việc khôi phục và giữ vững vị thế cường quốc Á – Âu …

Bài 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

6. Thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc và thành tựu của 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959) ; công cuộc cải cách mở cửa (1978 – 2000)

a/ Sự thành lập nước CHDC Trung Hoa

- Năm 1946 - 1949 diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Quốc Dân và Đảng cộng sản .
  + Ngày 20 – 7 – 1946, Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chiến tranh chống Đảng cộng sản TQ.
  + Từ 7 – 1946 đến 6 / 1947 quân giải phóng phòng ngự tích cực.
  + Từ 6 / 1947 quân giải phóng chuyển sang phản công
- Năm 1949 nội chiến kết thúc.
- Ngày 1-10-1949 nước CH ND Trung Hoa được thành lập .

b/ Ý nghĩa :

- Chấm dứt **100** năm nô dịch và thống trị của đế quốc .
- Xoá bỏ tàn dư phong kiến
- Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do tiến lên CNXH.
- Tăng cường sức mạnh của hệ thống XHCN và ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

c/ Thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959).

+ Nhiệm vụ đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục.

+ 1950-1952: Thực hiện thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế.

+ 1953-1957: Thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm đầu tiên.

+ Về đối ngoại, trong những năm 1949-1959, Trung Quốc thi hành chính sách ngoại giao tích cực nhằm củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng trên thế giới.

d/ Công cuộc cải cách mở cửa (1978-2000).

+ Tháng 12-1978, Đảng cộng sản Trung Quốc đã vạch ra đường lối cải cách, đến đại hội XIII (10-1978), được nâng lên thành đường lối chung của Đảng:

*** về kinh tế:**

- Phát triển kinh tế là trọng tâm, tiến hành cải cách và mở cửa , chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN , nhằm hiện đại hóa và xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

- Năm 1998, kinh tế Trung Quốc tiến bộ nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới *(GDP tăng 8%),* đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt. Nền KH-KT, văn hóa, giáo dục Trung Quốc đạt thành tựu khá cao (*năm 1964, thử thành công bom nguyên tử, 2003 phóng thành công tàu "Thần Châu 5"vào không gian)*

***. Về đối ngoại**:

- Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam…
- Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới, góp sức giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế.
- Vai trò vị trí của Trung Quốc nâng cao trên trường quốc tế, thu hồi chủ quyền Hồng Kông (1997), Ma cao (1999).

Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

7. Các giai đoạn phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc Lào từ 1945-1975.

***a / Các giai đoạn* :**

- Từ 1945-1954 :

+ Lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhân dân Lào đã nổi dậy cướp chính quyền, 12/10/1945 Lào tuyên bố độc lập .

+ Tháng 3/1946, Pháp quay trở lại xâm lược Lào lần 2, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương, nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ 13/8/1950 : thành lập Mặt trận Lào tự do và chính phủ kháng chiến Lào do Hoàng thân Xuphanuvông đứng đầu .

+ Từ 1953-1954 , cuộc kháng chiến của nhân dân Lào phát triển mạnh mẽ . Đặc biệt sau thất bại ở Điện Biên Phủ, Pháp kí hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 công nhận độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

- Từ 1954-1975:

+ Từ 1954 đến đầu những năm 60, nhân dân Lào tiến hành kháng chiến chống Mĩ xâm lược, giành được những thắng lợi to lớn (giải phóng 2/3 đất đai, hơn 1/3 dân số cả nước …)

+ Từ 1964-1973, nhân dân Lào đã đánh bại cuộc " Chiến tranh đặc biệt " của Mĩ, buộc Mĩ và tay sai kí hiệp định Viêng-chăn (21/2/1973) lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào.

+ Cùng với thắng lợi của cách mạng Việt Nam (30/4/1975) nhân dân Lào tiếp tục đấu tranh giành được toàn bộ chính quyền trong cả nước vào tháng 12/1975.

+ 2/12/1975, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào chính thức được thành lập.

b/ Hãy chỉ ra những điểm giống nhau cơ bản của cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này

- Diễn ra trong cùng một thời kì lịch sử, cùng chống kẻ thù chung:

+ 1945-1954 : kháng chiến chống thực dân Pháp .

+ 1954-1975 : kháng chiến chống Mĩ .

- Cùng được Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo :

+ Từ 1930, Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo chung cách mạng 2 nước .

+Từ 1955, ở Lào có Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo .

- Cùng giành được những thắng lợi to lớn:

+ 1945: giành được độc lập.

+ 1954: kháng chiến chống Pháp thắng lợi .

+ 1975: kháng chiến chống Mĩ thắng lợi .

8. Trình bày tiến trình của cách mang Campuchia từ 1945 đến nay?

Vào cuối thế kỷ XIX Campuchia trở thành thuộc địa của Pháp, trong chiến tranh các nước Đông Dương điều bị Nhật chiếm đóng.

+Giai đoạn 1945 – 1951:

-Ngày 9/10/1945 Pháp trở lại xâm lược, phong kiến CPC chấp nhận sự thống trị của Pháp.

+ ***Giai đoạn 1951 – 1954:*** Dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM CPC thu được nhiều thắng lợi.

-Ngày 17/4/1950 thành lập mặt trận dân tộc thống nhất và chính phủ kháng chiến lâm thời.

-Ngày 19/6/1951 các lực lương vũ trang thống nhất thành quân đội cách mạng

-Tháng 7/1951 Đảng nhân dân cách mạng được thành lập.

-Trong những năm 1953 – 1954, vùng giải phóng chiếm lãnh thổ và dân số chiếm gần 2 triệu người.

-Do Xihanúc tiến hành cuộc vận động ngoại giao, ngày 09/11/1953 Pháp trao trả độc lập cho CPC, nhưng vẫn nắm quyền. Tháng 7/1954 Pháp mới công nhận độc lập thật sự.

+ Giai đoạn 1954 – 1975: Chính phủ Xihanúc thực hiện đường lối hòa bình, trung lập để xd đất nước.

- Ngày 18/3/1970 Mỹ dùng tay sai đảo chính lật đổ Sihanúc, biến CPC thành thuộc địa kiểu mới.

- Ngày 17/4/1975 được sự giúp đỡ của Việt Nam, CPC được giải phóng.

+ ***Giai đoạn 1975 – 1979:*** Tập đoàn Pônpốt – Iêngxari phản bội CM tiến hành cuộc diệt chủng.

- Ngày 03/12/1978 mặt trận cứu quốc CPC thành lập, được sự giúp đỡ của bộ đội Việt Nam ngày 07/01/1979 chế độ diệt chủng bị lật đổ. Tháng 9/1989 bộ đội Việt Nam rút quân về nước.

+Từ 1979 đến nay:

-Chính phủ PhnomPênh vừa xây dựng đất nước vừa đấu tranh chống các thế lực đối lập.

-Trước những chuyển biến của tình hình quốc tế , chính phủ CPC đã theo đổi đường lối hoà bình, hoà hợp dân tộc , nhằm tiến tới một giải pháp chính trị cho vấn đề CPC

- Ngày 23/10/1991 tại hội nghị quốc tế về CPC được ký, tạo điều kiện cho CPC xây dựng đất nước.

-Tháng 5/1993 được sự giúp đỡ của LHQ ,nhân dân CPC bầu Quốc hội lập hiến, thành lập Vương quốc CPC do Quốc vương Xihanuc đứng đầu.

=> Hiện nay CPC xây dựng đất nước , hoà bình ,độc lập, dân chủ ,tiến bộ xã hội…

9. Sự ra đời và phát triển của tổ chứ ASEAN, cơ ***hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN***

a) ***Sự ra đời của tổ chức ASEAN***:

Sau khi giành được độc lập, nhiều nước trong khu vực bước vào phát triển kinh tế song gặp nhiều khó khăn và thấy cần phải hợp tác để cùng phát triển.

- Họ muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Các tổ chức hợp tác khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau.
- Do đó, 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin)
- Mục tiêu: xây dựng mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng ĐNÁ hùng mạnh.

***b) <u>Quá trình phát triển</u>*:**

- 1967-1975: ASEAN là một tổ chức non yếu, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.
- Tháng 2-1976 tại hội cấp cao ASEAN lần thứ nhất họp tại Bali (Inđônêxia), Hiệp ước Bali được kí kết với nội dung chính là tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á. Từ đây ASEAN có sự khởi sắc.
- Lúc đầu, ASEAN thực hành chính sách đối đầu với các nước Đông Dương. Song từ thập niên 80, khi vấn đề CPC được giải quyết, các nước nầy đã bắt đầu quá trình đối thoại, hòa dịu.
- Năm 1984, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.
- Tiếp đó, ASEAN kết nạp thêm Việt Nam (1995), Lào và Myanma (1997), CPC (1999).

Như vậy, ASEAN từ 5 nước sáng lập ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên hợp tác ngày càng chặt chẽ về mọi mặt.

c) *<u>Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhâph ASEAN</u>*:

+ Thời cơ: Tạo điều kiện cho Việt nam hòa nhập cộng đồng khu vực vào thị trường các nước Đông Nam Á, Thu hút vốn đầu tư, mở ra thời cơ giao lưu học tập, tiếp thu trình độ KHKT công nghệ và văn hóa… để phát triển đất nước.

+ Thách thức: Việt nam phải chiu sự cạnh tranh quyết liệt nhất là kinh tế. Hòa nhập nếu không đứng vững dễ bị tụt hậu về kinh tế và bị "Hòa tan" về chính trị, văn hóa, xã hội.

d). Mối quan hệ giữa ASEAN và Việt Nam<u>:</u>

***Thời kỳ 1967-1973**: Một số nước ASEAN là thành viên của khối SEATO (Philippines và Thái lan) là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam, dẫn đến quan hệ căng thẳng.

***Thời kỳ 1973-1978**:

- Sau hiệp định Paris (1973) Việt Nam đặt quan hệ ngoại giao với Malaysia va øSingapore , điến 1976 đặt quan hệ với Thái lan và Philippines.
- Các bên đã tổ chức nhiều cuộc thăm chính thức lẫn nhau , đặt quan hệ hợp tác song phương và đa phương trên mọi lĩnh vực.

***Thời kỳ 1979-1989** : Do vấn đề Campuchia , nên có quan hệ đối đầu ,các quan hệ bị đình trệ.

***Thời kỳ 1989-1992**:

-Quan hệ chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hoà bình :(Có sự thay đổi trong quan hệ giữa 5nước lớn trong Hội đồng bảo an ; ĐNÁ về thời kỳ hoà bình ,ổn định trong hợp tác và pháp triển…)

-Giữa ASEAN và các nước ĐD đã có nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi và hợp tác trên mọi lĩnh vực.
-Các nước ASEAN có vốn đầu tư vào Việt Nam ngày càng tăng.
***Thời kỳ 1992-1995:**
- 22/7/1992 Việt Nam được mời làm quan sát viên.
- 28/7/1995 VN chính thức gia nhập ASEAN.
- Đây là một sự kiện quan trọng trong việc thúc đẩyxu thế hoà bình, ổn định và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á.

<u>10.</u>Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á có những biến đổi như thế nào? Trong những biến đổi đó biến đổi nào quan trọng nhất? Vì sao?
a) Các nước đông Nam Á:
- Đông Nam Á gồm 11 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Inđônêsia, Malaysia,Philippin, Singapore, Myanma,Brunay và Đôngtimo.
- Trước 1945 đều là thị trường và thuộc địa của tư bản Phương Tây, sau năm 1945 có nhiều biến đổi.

b) ***Những biến đổi to lớn từ sau chiến tranh thế giới thứ hai***
- Biến đổi thứ nhất: Từ các nước thuộc địa, nửa thuộc địa trước chiến tranh thế giới thứ hai, đến nay Đông Nam Á trở thành các nước độc lập và xây dựng đất nước theo mô hình kinh tế –xã hội khác nhau:
+Việt Nam: Là thuộc địa của Pháp, Nhật. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã giành được độc lập. Sau đó phải tiến hành cuộc k/c chống Pháp lần 2 và cuộc kháng chiến chống Mĩ đến 30/4/1975 mới thắng lợi hoàn toàn.
+Lào: thuộc địa của Pháp, Mỹ đến ngày 02/12/1975 mới giành thắng lợi.
+Campuchia; thuộc địa của Pháp, Nhật, Mỹ, sau năm 1975 phải chống Pônpốt đến 07/01/1979 mới thắng lợi.
+ Inđônêsia; thuộc Hà Lan, sau 1945 Hà Lan tái chiếm, nhân dân đấu tranh đến 1965 mới độc lập hoàn toàn.
+ Malaysia: thuộc địa của Anh, đến 8/1957 mới độc lập.
+ Philippin: là thuộc địa của Mỹ đến tháng 7/1946 Mỹ mới công nhận độc lập.
+Singapore: thuộc địa của Anh, nhân dân đấu tranh đến 1957 Anh mới công nhận độc lập.
+Thái Lan: Sau 1945 Mỹ hất chân Anh kiểm soát Thái Lan.
+ Myanma: Thuộc địa của Anh, tháng 10/1947 Anh công nhận độc lập.
+ Brunây: là thuộc địa của Anh, đến tháng 01/1984 được Anh trao trả độc lập.
+Đôngtimo: thuộc Inđônêsia đến tháng 5/2002 tách khỏi Inđônêsia, trở thành quốc gia độc lập
- Biến đổi thứ 2: Sau khi giành độc lập các nước ĐNÁ ra sức xây dựng và phát triển nền kinh tế, xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn như : + Malaysia, Inđônêsia,Thái Lan (đặc biệt là Sigapore, nước phát triển nhất Đông Nam Á)

- Biến đổi thứ 3: Đến 30/4/1999 có 10/10 nước ĐNÁ là thành viên của khối (ASEAN), đây là một liên minh kinh tế, chính trị ở khu vực, nhằm xây dựng một ĐNÁ vững mạnh, tự lực tự cường.

c) Biến đổi quan trọng nhất:

- Là biến đổi từ thân phận các nước thuộc địa, nửa thuộc địa trở thành nước độc lập.
- Nhờ đó các nước Đông Nam Á mới có những điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của mình ngày càng phồn vinh.

11. Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN. Tại sao từ những năm 60 các nước này lại thay đổi chiến lược phát triển kinh tế ?những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

a/ Chiến lược kinh tế hướng nội

- Nội dung : đẩy mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.
- Thành tựu : đáp ứng được yêu cầu cơ bản của nhân dân trong nước, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp.
- Hạn chế: thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ …, đời sống người lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng với công bằng xã hội.

b/ Chiến lược kinh tế hướng ngoại:

- Nội dung: " mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kĩ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.
- Thành tựu: tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.
- Hạn chế: phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hớp lý.

c/ Lý do các nước trên thay đổi chiến lược phát triển kinh tế

- Chiến lược kinh tế hướng nội bọc lộ nhiều hạn chế, cần phải thay đổi để khắc phục những hạn chế đó.
- Để phù hợp với xu thế chung của nền kinh tế thế giới

d/ Bài học cho Việt Nam

- Việt Nam cũng cần phát triển nền kinh tế theo xu hướng hướng ngoại
- Cần tăng cường nội lực, phát huy tính chủ động để tránh nguy cơ bị lệ thuộc quá nhiều vào những yếu tố bên ngoài

12. Nêu nguyên nhân, diễn biến, đặc điểm chủ yếu của phong trào đấu tranh giành độc lập Ấn Độ từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay.

a. Nguyên nhân:

Thắng lợi của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống Phát xít ,đã cổ vũ và tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ.

b. Diễn biến:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại do Gandhi đứng đầu, nhân dân Ấn Độ đã anh dũng đấu tranh với nhiều hình thức : khởi nghĩa, bãi công ,bãi khoá, bãi thị…
- Ngày 19/2/1946 hai vạn thuỷ binh ở Bom Bay khởi nghĩa chống thực dân Anh đòi độc lập.
- Bãi công của 20 vạn công nhân và sinh viên ,học sinh và quần chúng ở Bom Bay , cuộc tổng bãi công và khởi nghĩa kéo dài 3 ngày.
- Hưởng ứng phong trào, công nhân ở Cancutta nổi dậy đấu tranh
- Ở nông thôn nông dân đấu tranh ,chỉ nộp 1/3 hoa lợi cho địa chủ(phong trào Têphaga), nhiều nơi nông dân nổi dậy cướp tài sản của địa chủ.
- Trước sự phát triển của phong trào ,thực dân Anh phải thay đổi hình thức cai trị:

Ngày 15/8/1947 thực dân Anh thoả hiệp với giai cấp tư sản Ấn Độ ,với kế hoạch (Maobáttơn), chia Ấn Độ thành hai quốc gia theo tôn giáo : Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pakistan của những người theo Hồi giáo(3/1971 vùng đông Pakistan tách ra thành lập nước Bangladesh)

Cả 2 nước được hưởng qui chế tự trị.
- Nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại ,tiếp tục đấu tranh đòi thực dân Anh phải trao trả độc lập.
- Ngày 26/1/1950 Anh công nhận độc lập hoàn toàn , cộng hoà Ấn Độ chính thức được thành lập.
- Sau khi giành được độc lập ,Ấn Độ tiến hành những cải cách về kinh tế ,chính trị, xã hội… nhằm xoá bỏ nghèo nàn ,lạc hậu nhằm xây dựng Aán Độ thành đất nước giàu đẹp.

c. Đặc điểm chủ yếu: Được thể hiện ở ý chí quyết tâm của nhâ dân ,dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc Đại, từ phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn của quần chúng ,tiến lên khởi nghĩa vũ trang buộc thực dân Anh phải trao trả độc lập.

Bài 5: Các nước Châu Phi và khu vực Mỹ La Tinh

13. Hãy trình bày quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào GPDT ở Châu Phi? Hiện nay châu Phi còn gặp những khó khăn gì ? đặc điểm?

***a.Khái quát*:**

Châu Phi có diện tích 30.3 triệu km2, với 54 quốc gia ,dân số khoảng 800 triệu người, có nhiều lâm thổ sản quí, tài nguyên thiên nhiên phong phú..; Nhưng dưới ách thống trị của thực dân Phương Tây ,các nước Châu Phi vẫn nghèo nàn, lạc hậu.

b.Các giai đoạn phát triển:

Sau chiến tranh thế giới thứ II , phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, được gọi là **lục địa mới trỗi dậy**

+ <u>Giai đoạn 1945 – 1954</u>: Phong trào nổ ở Bắc Phi với thắng lợi trong cuộc chính biến CM của binh lính và sĩ quan Ai Cập (3/7/1952) lật đổ nền thống trị của thực dân Anh, thành lập nước cộng hòa Ai Cập (18/6/1953)

+ Giai đoan 1954 – 1960: Thắng trong trận Điện Biên Phủ của Việt Nam ,đã cổ vũ các thuộc địa của Pháp ở các nước Bắc Phi và Tây Phi đứng lên đấu tranh giành độc lập: Angiêri (1954 – 1962), Marốc, Xuđăng (1956) Ghana (1957) …
+ Giai đoan 1960 – 1975:
- Năm 1960 có 17 nước giành độc lập, nên gọi là "Năm Châu Phi" , mở đầu giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc.
- Thắng lợi của CM Angiêri (1962), Etiôpia (1974), Môdămbích, Aêngola (1975) … Chủ nghĩa thực dân cũ cơ bản bị sụp đổ.
+Giai đoan từ 1975 đến nay:
Đây là giai đoạn hoàn thành phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Tháng 3/1991 Namibia tuyên bố độc lập.
- Phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi mạnh thành cao trào cách mạng rộng rãi trong đông đảo quần chúng, đến 1990 giành thắng lợi quan trọng(chủ tịch Man đê la, được trả tự do, Đảng cộng sản được thừa nhận là một tổ chức hợp pháp, các đạo luật về phân biệt chủng tộc bị bải bỏ.
- Tháng 4/1994 ông Manđêla được bầu làm tổng thống nước Nam Phi mới ,dân chủ vàkhông còn phân biệt chủng tộc .
c.Những khó khăn của các nước Châu Phi sau ngày độc lập:
- Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới, vơ vét , bóc lột về kinh tế của các cường quốc phương Tây.
- Nghèo đói , mù chữ , bệnh tật và nợ nước ngoài tăng.
- Sự bùng nổ dân số cao (dự kiến đến năm 2020 ,dân số Châu Phi khoảng 1,6 tỉ.
- Trong những năm gần đây, được sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, nhân dân các nước châu Phi đã và đang xây dựng đất nước giàu đẹp ,tiến bộ , văn minh.
d. Đặc diểm của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi:
- Năm 1963 thành lập tổ chức thống nhất châu phi(OAU) ,tổ chức này có vai trò quan trọng trong việt phối hợp hành động và thúc đẩy sự nghiệpđấu tranh cách mạng ở các nước Châu Phi.
- Giai cấp tư sản dân tộc ở châu Phi lãnh đạo các cuộc đấu tranh, vì giai cấp vô sản ở đây chưa trưởng thành, chưa có một chính Đảng độc lập.
- Hình thức đấu tranh chủ yếu là đấu tranh chính trị và thương lượng.
- Mức độ độc lập và sự phát triển của các nước không đồng đều.
- Phong trào tuy phát triển rộng khắp và dâng cao, nhưng không đồng đều giữa các khu vực.
14. Quá trình phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ la tinh? Hãy phân tích đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹlatinh?
a). Khái quát:
- Khu vực Mỹlatinh có hơn 33 nước cộng hoà, từ Mexico đến hết nam Mỹ, diện tích trên 20 triệu km2 ,là khu vực giàu tài nguyên đặc biệt là nông lâm thổ sản.
- Trước chiến tranh ,hình thức là những quốc gia độc lập, nhưng trong thực tế đều lệ thuộc vào Mỹ.

- *Sau CTTG II* : Mỹ tìm cch biến khu vực Mỹ Latinh thnh "sn sau" của mình v xy dựng cc chế độ độc tài thân Mỹ→cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển.Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba do Phiđen Caxtơrô lnh đạo.
- Tháng 3/1952 , Mỹ đ gip Batĩxta thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu Ba→ nhân dân Cu Ba đ đứng lên đấu tranh , mở đầu bàng cuộc tấn công vào trại lính Môncađa của 135 thanh niên yêu nước do Phiđen Caxtơrô chỉ huy(1953).Ngày 1/1/1959 , chế độ độc tài Batixta sụp đổ , nước Cộng hịa Cu Ba ra đời do Phiđen Caxtơrô đứng đầu.
- Trong các thập niên 60-70 , phong trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc ti thn Mỹ pht triển v ginh nhiều thắng lợi:
  + Cuộc đấu tranh của nhân dân Panama thu hồi kênh đào Panama (1964-1999)
  + Năm 1983 ở vùng Ca ri bê có 13 quốc gia giành độc lập.
  + Cng với cc hình thức đấu tranh : bi cơng của cơng nhn , nổi dậy của nông dân , đấu tranh nghị trường , cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Vênêxuêla , Goatêmala , Côlômbia , Pêru , Nicaragoa→Mỹ Latinh đựoc mệnh danh "*Lục địa bùng cháy*".Kết quả : chính quyền độc tài nhiều nước bị lật đổ , các chính phủ dân tộc dân chủ đựoc thiết lập.

b/Tình hình phát triển kinh tế-xã hội

****/Trong những thập nin 50-70:***

- Đạt những thành tựu đáng khích lệ , một số nước trở thành nước NICs như Braxin, Áchentina , Mêhicô
- tỉ lệ tăng trưởng kinh tế quốc dân bình qun l 5,5% , GDP năm 1960 là 69,4 tỉ USD→ 1979:599,3 tỉ USD.
- Riêng Cu Ba: đ tiến hnh xy dựng CNXH v đạt nhiều thành tựu to lớn:
  + Từ nền nông nghiệp độc canh (mía) và nền công nghiệp đơn nhất (mỏ) đ xy dựng đựoc nền công nghiệp với cơ cấu hợp lý v nền nơng nghiệp sản xuất nhiều nơng phẩm.
  + Đạt thành tựu cao về văn háo , giáo dục , y tế…

****Thập nin 80*** : suy thoái về kinh tế , lạm phát tăng nhanh , khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài → biến động chính trị.

**** Thập nin 90*** : kinh tế cĩ chuyển biến tích cực nhưng những khó khăn về kinh tế - x hội vẫn cịn trầm trọng.

15. Cách mạng Cu ba ? kết quả và ý nghĩa?

a/ Quá trình phát triển của cách mạng Cuba:

- Từ những năm cuối thế kỷ XIX , Cuba trở thành thộc địa kiểu mới của Mỹ .
- Sau chiến tranh thế giới thứ II , nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ở Cuba, Mỹ đã tổ chức cuộc đảo chính nhằm thiết lập chế độ độc tài quân sự do Batista cầm đầu(10/3/1952).
- Chính quyền Batista đã giải tán QH, xoá bỏ Hiến pháp, cấm các Đảng phái chính trị hoạt động , khủng bố những nhà yêu nước … Nhưng nhiều cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài vẫn phát triển, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

- Ngày 26/7/1953 Phiđen Castro cùng 35 thanh niên yêu nước đã tấn công vào trại lính Moncada ở Sanchiago, cướp vũ khí ,trang bị cho nhân dân, nhằm thức tỉnh lòng yêu nước ,chuẩn bị phát động phong trào khởi nghĩa vũ trang trong cả nước.
- Cuộc khởi nghĩa thất bại Phiđen Castro và các đồng chí của ông bị bắt, sự kiện 26/7 đánh dấu sự mở đầu giai đoạn đấu tranh vũ trang, trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Cuba.
- Năm 1955 Phiđen Castro được thả tự do, nhưng bị chính quyền Batista trục xuất sang Mixico, tại Mixico, ông tập hợp những thanh niên Cuba yêu nước, quyên góp vũ khí ,luyện tập quân sự chuẩn bị trở về tổ quốc.
- Tháng 11/1956 Ông cùng 81 chiến sĩ yêu nước, từ Mexico đáp tàu Garanma vượt biển trở về nước , sau 7 ngày lênh đênh trên biển, vừa tới bờ thì bị quân Batista tấn công , cuộc chiến không cân sức , Phiđen Castro và 11 chiến sĩ còn sống sót, vượt vòng vây về xây dựng căn cứ cách mạng tại Xiera Maextra , đưa phong trào chiến tranh du kích phát triển ra các địa phương.
- Tháng 5/1958 nghĩa quân đã đánh bại cuộc hành quân càn quét khu giải phóng của Batista, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1000 tên.
- Cuối năm 1958 nghĩa quân đã giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, đến cuối tháng 12/1958 , tập đoàn Batsta sụp đổ , Batsta chạy ra nước ngoài.
- Ngày 1/1/1959 phối hợp với cuộc tổng bãi công chính trị của công nhân ở thủ đô Lahabana, chế độ độc tài bị lật đổ, cách mạng thành công.
- 1959-1961: hoàn thành cải cách dân chủ (cải cách dân chủ, quốc hữu hoá các xí nghiệp…)
- Tháng 4/1961 sau chiến tắng Heron, CuBa tiến hành các mạng XHCN.

b/ Kết quả và ý nghĩa:

+Kết quả:

- Cuba đạt nhiều thành tựu trong xây dựng CNXH (Sản lượng công nghiệp đường tăng 160% ,cơ khí luyện kim tăng 10 lần, điện lực tăng 7 lần)
- Văn hoá giáo dục phát triển ,đời sống của nhân dân được nâng cao.
- Hiện nay cách mạng CuBa còn gặp nhiều khó khăn ,do chính sách thù địch của Mỹ, đặc biệt từ khi LX&ĐÂu sụp đổ, nhưng nhân dân Cuba vẫn kiên trì theo định hướng cách mạng XHCN.

+Ý nghĩa:

- Đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ la tinh.
- Làm thất bại mưu đồ của Mỹ thôn tính Cuba.
- Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và xứng đáng là ngọn cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ la tinh.

Bài 6: Nước Mỹ

16. Sự phát triển kinh tế của Mỹ (từ 1945 – 1973) và nguyên nhân của sự phát triển đó? Xác định nguên nhân quan trọng vì sao?

a .Phát triển mạnh mẽ về kinh tế

- Sau chiến tranh thế giới thứ II, nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh:
  + Sản lượng công nghiệp năm 1948 : 56,5%
  + Năm 1949, Sản lượng nông nghiệp = hai lần sản lượng của Anh, Pháp, Đức, Italia,Nhật cộng lại.
  + Mỹ nắm hơn 50% số tàu biển và ¾ dự trữ vàng của thế giới.
  + Chiếm gần 4o% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mỹ trở thành *trung tâm kinh tế -tài chính lớn nhất thế giới.*

b. <u>Nguyên nhân phát triển.</u>

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kỹ thuật cao, năng động, sáng tạo.
- Lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí và phương tiện chiến tranh (thu 114 tỉ USD trong CTTGII).
- Áp dụng những thành tựu KH- KT hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- Các tập đoàn tư bản có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả cả trong và ngoài nước.
- Sự lãnh đạo và điều tiết của nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy KT phát triển.

c / Nguyên nhân quan trọng *:*

- Ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học kĩ thuật mới .
- Bởi vì khoa học kĩ thật tạo ra khối lượng hàng hoá đồ sộ, giúp kinh tế Mỹ phát triển nhanh

17 / Chính sách đối ngoại 1945 - 2000:

a/1945 – 1973:

- Thực hiện chiến lược toàn cầu.
  + Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ CNXH trên thế giới .
  + Đàn áp PTGPDT ,PTCN và cộng sản quốc tế ; khống chế .
  +Chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.
  +*Thủ đoạn:* khởi xướng chiến tranh lạnh,gây ra , ủng hộ các cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn , đảo chính , tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược VN , dính líu vào chiến tranh Trung Đông…
  + Năm 1972 tổng thống Mỹ Nichxơn thăm TQ và LX nhằm thực hiện sách lược hòa hoãn với hai nước lớn để chống lại PTĐTCM của các dân tộc

b/ 1973 - 1991

+ Từ sau Hiệp định Pari(1973) Mỹ tiếp tục chiến lược toàn cầu , chạy đua vũ trang
+Sự đối đầu X-M Mỹ suy giảm về kinh tế và chính trị; Tây Âu và Nhật vươn lên
+1989 Mỹ và LX tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh, mở ra thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế.

c/ 1991 – 2000 : thực hiện chiến lược " Cam kết và mở rộng" với mục tiêu :

- Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh , sẵn sàng chiến đấu .

- Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ
- Sử dụng khẩu hiệu "Thúc đẩy dân chủ" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Bài 7. Các nước Tây Âu

18. Tình hình kinh tế Tây Âu từ 1945 - 2000

- Giai đoạn 1945 – 1950: các nước Tây Âu đều bị thiệt hại nặng nề sau CTTGII. Với sự cố gắng của từng nước và viện trợ của Mỹ trong khuôn khổ " Kế hoạch Mác – san", đến năm 1950 nền kinh tế của các nước Tây Âu cơ bản phục hồi.
- Giai đoạn 1950 – 1973: nền kinh tế Tây Âu phát triển nhanh
  +Tây Đức , Anh , Pháp lần lượt là các cường quốc công nghiệp đứng thứ ba , tư , năm trong thế giới tư bản.
  +Tây Âu trở thành 1trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới , trình độ KHKT phát triển cao, hiện đại.
- Từ 1973 -1982: suy thoái , khủng hoảng , phát triển không ổn định , kéo dài đến thập kỷ 90.
- Gặp những khó khăn và thách thức :
  +Sự phát triển đan xen với khủng hoảng , suy thoái , lạm phát và thất nghiệp.
  + Sự canh tranh cảu Mỹ , Tây Âu và các nước CNM (NIC).
  + Quá trính "nhất thể hóa" Tây Âu gặp nhiều trở ngại.
- Từ 1991 – 2000: phục hồi và phát triển
  + Tây Âu vẫn là 1 trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn nhất của thế giới.
  + Giữa thập kỷ 90 , 15 nước EU với số dân 375 triệu , GDP hơn 7000 tỉ USD , chiếm 1/3 tổng snar phẩm công nghiệp của thế giới.

19/ **LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)**

a) Thành lập:

- Ngày 18/04/1951, 6 nước Tây Âu (Pháp, Tây Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxemburg) thành lập "Cộng đồng than – thép châu Âu" (ECSC).

- Ngày **25/03/1957**, sáu nước ký Hiệp ước Roma thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" (EURATOM) và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).

- Ngày **1/7/1967**, ba tổ chức trên hợp nhất thành "Cộng đồng châu Âu" (EC)

- 07/12/1991: Hiệp ước Ma-a-xtrish được ký kết, khẳng định một tiến trình hình thành một Liên bang châu Âu mới vào năm 2000 với đồng tiền chung, ngân hàng chung…

- 1/1/1993: Liên minh châu Âu (EU)

- 1994, kết nạp thêm 3 thành viên mới là Aùo, Phần Lan, Thụy Điển.

- 01/05/2004, kết nạp thêm 10 nước thành viên Đông Âu, nâng tổng số thành viên lên 25.

***b) Mục tiêu*:** Liên minh chặt chẽ về kinh tế, tiền tệ và chính trị (xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung…)

***c) Hoạt động*:**

- Tháng 6/1979: bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên.
- Tháng 3/1995: hủy bỏ việc kiểm soát đi lại của công dân EU qua biên giới của nhau.
- 01/01/1999, đồng tiền chung châu Âu được đưa vào sử dụng.
- Hiện nay là liên minh kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm ¼ GDP của thế giới.

- 1990, quan hệ Việt Nam – EU được thiết lập và phát triển trên cơ sở hợp tác toàn diện

Bài 8: Nhật Bản

20 . Tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản từ 1952 – 1973. Những nhân tố góp phần thúc đẩy nền kinh tế Nhật phát triển "thần kì"

a/ Những nét chính về sự phát triển kinh tế:

- Sau khi được phục hồi, từ 1952 – 1960, kinh tế Nhật Bản có bước phát triển nhanh, nhất là từ năm 1960 đến 1973, thường được gọi là giai đoạn phát triển " thần kỳ".
- Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ 1960 - 1969 là 10,8%; từ năm 1970 đến 1973, tuy có giảm nhưng vẫn đạt bình quân 7,8%, cao hơn rất nhiều so với các nước phát triển khác .
- Năm 1968, kinh tế Nhật Bản đã vượt Anh, Pháp, Cộng hoà Liên Bang Đức, Italia và Canađa, vươn lên đứng hàng thứ hai thế giới tư bản (sau Mĩ).
- Từ những năm 70 trở đị , Nhât trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.(cùng với Mỹ và Tây Âu)

b/ Nhân tố thúc đẩy:

- Ở Nhật Bản, nhân tố con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.
- Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.
- Các công ty Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.
- Nhật Bản biết áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng.
- Chi phí cho quốc phòng của Nhật Bản thấp (không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tận dụng vốn đầu tư cho kinh tế.
- Nhật Bản đã tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển, như nguồn viện trợ của Mĩ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950 – 1953), Việt Nam (1954 – 1975) để làm giàu...

d/ Nguyên nhân quan trọng nhất ?

Nhân tố con người được coi là vốn quí nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển kinh tế ở Nhật.

c/ Hạn chế

- Nghèo tài nguyên→nguồn nguyên , nhiên liệu phụ thuộc bên ngoài.
- Cơ cấu vùng kinh tế thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tokiô, Ôxaca và Nôgôia; giữa nông nghiệp và công nghiệp.
- Sự cạnh tranh quyết liêt của Mỹ , Tây Âu , các nước Nic , TQ ...

Bài 9: Quan hệ quốc tế

21/Mâu thuẩn Đông – Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh.

a./ Do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.

- Liên Xô : chủ trương duy trì hòa bình an ninh thế giới , bảo vệ CNXH và đẩy mạnh PTCM thế giới.
- Mỹ: chống phá LX và các nước XHCN , PTCM các nước, thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.Mỹ e ngại trước sự lớn mạnh của hệ thống XHCN
- Từ sau chiến tranh , Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất độc quyền về vũ khí nguyên tử, tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới.

b. /Sự kiện khởi đầu của chiến tranh lạnh

- *Học thuyết Truman (1947):* sự tồn tại của LX là nguy cơ lớn đối vưới nước Mỹ → viện trợ cho Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ nhằm niến hai nước nầy thành căn cứ tiền phương chống LX và các nước Đông Âu.
- *Kế hoạch Macsan* (6/1947):không chỉ phục hồi kinh tế các nước Tây Âu mà còn tập hợp các nước nầy vào liên minh quân sự chống LX và các nước Đông Âu.Kế hoạch Macsan đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị giữa các nước Đông Âu và Tây Âu.

c / *Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương* (NATO) thành lập ngày 4/4/1949 tại Washinton , lúc đầu gồm có Mỹ và 11 nước phương Tây.Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mỹ cầm đầu nhằm chống lại LX và các nước XHCN.

Tháng 1/1949 , LX và các nước Đông Âu thành lập *Hội đồng tương trơ kinh tế* để giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước XHCN.Tháng 5/1955, LX và các nước Đông Âu thành lập *Tổ chức Hiệp ước Vacsava* , một lien minh chính trị-quân sự của các nước XHCN ở châu Âu.

Sự ra đời của NATO và VACSAVA đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực , hai phe.Chiến tranh lạnh bao trùm toàn thé giới.

22. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt.

- *Nguyên nhân LX - M chấm dứt Chiến tranh lạnh*:

+ Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn 4 thập niên đã làm cho cả 2 cường quốc quá tốn kém.

+ Sự vươn lên mạnh mẽ về kinh tế của Tây Đức và Nhật Bản trở thành mối lo ngại của Liên Xô – Mỹ.

- *Biểu hiện* :

+ Trên cơ sở thỏa thúận Xô –Mỹ, ngày 9/11/1972, hai nhà nước Đức đã ký *Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức*

+ Năm 1972, Xô –Mỹ đã ký *Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng thủ tên lửa* (ABM) và *Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược* (SALT-1)

+Tháng 8/1975, có 33 nước châu Âu cùng với Mỹ và Canada ký kết *Định ước Henxinki* với nội dung cơ bản: khẳng định mối quan hệ bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia ,sự hợp tác giữa các nước ...--> *tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan dến hòa bình an ninh khu vực nầy*.

+ Tháng 12/1989 , tại đảo Manta (Địa Trung Hải) tổng thống Liên Xô M.Goócbachốp và tổng thống Mỹ G.Busơ (cha) tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh .

-Ý nghĩa : Chiến tranh lạnh chấm dứt →các tranh chấp , xung đột đựoc giải quyết bằng con đường hòa bình (Apganixtan , CPC , Namibia)

23. Thế giới sau chiến tranh lạnh.

- Sự tan rã của Liên Xô và hệ thống XHCN đưa đến sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực.

- Tình hình thế giới có những thay đổi to lớn và phức tạp.
- Xu thế phát triển của thế giới:

+ *Một là*: trật tự thế giới hai cực đã sụp đổ, trật tự thế giới mới đang dần hình thành theo xu hướng đa cực với sự vươn lên của Mỹ, Liên minh châu Âu, Nga, Trung Quốc ...

+ *Hai là*: các quốc gia đều tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia.

+ *Ba là* , Mỹ đang cố thiết lập thế giới đơn cực nhưng không dễ gì đạt đựoc mục đích.

+ *Bốn là* :có nhiều khu vực tình hình không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự kéo dài như ở bán đảo ban căng , ở một số nước châu Phi và Trung Á.

Ngày nay , các quốc gia dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi , vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng to lớn.

Bài 10
CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

24. Nguồn gốc và đặc điểm :

a) Nguồn gốc

- Do đòi hỏi của cuộc sống và của sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

- Diễn ra trong bối cảnh đặc biệt: sự bùng nổ dân số, sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên, chiến tranh…

- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là tiền đề thúc đẩy cách mạng khoa học kỹ thuật lần II và cách mạng công nghệ bùng nổ.

b) Đặc điểm*: *Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kỹ thuật, đi trước mở đường cho kỹ thuật. Kỹ thuật lại đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.

c). Những thành tựu chính.

- Đạt được những thành tựu kì diệu trên mọi lãnh vực.
- Lĩnh vực khoa học cơ bản, có những bước tiến nhảy vọt: Trong toán học, vật lí, hóa học, sinh học.
  + Tháng 3-1997, tạo ra cừu Đôli bằng phương pháp sinh sản vô tính.
  + Tháng 6 – 2000 các nhà khoa học đã công bố " Bản đồ gen người" và đến tháng 4-2003, giải mã được bản đồ gien người.
- Lĩnh vực công nghệ:
  + Tìm ra nguồn năng lượng mới: Mặt trời, nguyên tử.
  + Chế tạo ra những vật liệu mới như chất Pôlime.
  + Sản xuất ra những công cụ mới như: máy tính, máy tự động, hệ thống máy tự động.
  + Công nghệ sinh học có bước phát triển phi thường trong công nghệ di truyền, tế bào, vi sinh…
  + Cách mạng xanh trong nông nghiệp với những giống lúa mới có năng suất cao.
  + Phát minh ra những phương tiện thông tin liên lạc và giao thông vận tải siêu nhanh, hiện đại như: Cáp quang, máy bay siêu âm, tàu siêu tốc…
  + Chinh phục vũ trụ: đưa con người lên Mặt Trăng.

d) Tác động của khoa học – công nghệ.

- <u>*Tích cực*</u>:
  + Tăng năng suất lao động.
  + Nâng cao không ngừng mức sống, chất lượng cuộc sống của con người.
  + Đưa ra những đòi hỏi phải thay đổi về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng giáo dục.
  + Nền kinh tế- văn hóa- giáo dục thế giới có sự giao lưu quốc tế hóa ngày càng cao.

- <u>*Hạn chế*</u>: Gây những hậu quả mà con người chưa khắc phục được.
  + Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
  + Vũ khí hủy diệt.
  + Ô nhiễm môi trường.
  + Bệnh tật.
- Qua đó đặt ra vấn đề khai thác hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hướng tới mục đích hoà bình nhân đạo trong việc sử dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật để phục vụ cho con người và sự tiến bộ của xã hội loài người .

g***. Thời cơ và thách thức của Việt Nam trước sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay .***

-Thời cơ giúp cho Việt Nam đẩy mạnh việc phát triển nền kinh tế của mình.

- Thách thức là sự cạnh tranh về kinh tế, nguy cơ bị tụt hậu về kinh tế.

e. ***Theo em vai trò của cách mạng khoa học kỹ thuật trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế nước ta hiện nay quan trọng như thế nào? Vì sao?***

- Trong công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay muốn thành công thì vai trò của khoa học kỹ thuật là cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định.
- Thực tế sự tiến bộ của nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay đã chứng tỏ vai trò quan trọng của khoa học kỹ thuật.

25. XU THẾ TOÀN CẦU HÓA VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ

- Xuất hiện từ những năm 80 của thế kỷ XX.
- Là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ , những tác động ảnh hưởng lẫn nhau của tất cá các khu vực các quốc gia dân tộc trên thế giới.
- Những biểu hiện chủ yếu :

+ *Sự phát triển nhanh chóng của quan hê quốc tế:* từ sau 1945 đến cuối thập kỷ 90, giá trị trao đổi thương mại trên phạm vi quốc tế tăng 12 lần.

+ *Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.* Hiện có khoảng 500 công ty xuyên quốc gia kiểm soát 25% tổng sản phẩm thế giới và giá trị trao dổi của các công ty nầy tương đương ¾ giá trị thương mại toàn cầu.

+ *Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn* tăng lên nhanh chóng vào những năm cuối thế kỷ XX nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ *Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế , thương mại , tài chính quốc tế và khu vực* (như IMF, WB, WTO, EU , ASEAN, ...) có vai trò quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

- Mặt tích cực và hạn chế

Toàn cầu hóa là thời cơ đồng thời cũng là những thách thức to lớn đối với các nước.“ Năm lấy thời cơ , vượt qua thách thức , phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới , đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta’’

****

PHẦNII. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Bài 12 PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

26. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

a/ Nguyên nhân, mục đích

- Nguyên nhân: Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng nền kinh tế bị tàn phá nặng nề.

- Mục đích: nhằm bù đắp những tổn thất do chiến tranh gây rane6n Pháp đẩy mạnh khai thác bóc lột thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

***b/<u>Thực hiện</u>* :**

- *Đầu tư với tốc độ nhanh, qui mô lớn*: từ 1924 đến 1929 số vốn đầu tư lên khoảng 4 tỉ phrăng.

+Nông nghiệp : lập đồn điền cao su , mở rộng diện tích , thành lập các công ti cao su mới, (DT cao su từ 15.000ha tăng lên 120.000ha)

+ *Mở một số ngành CN* như dệt , muối, xay xát…

+*Khai thác mỏ* , chủ yếu là mỏ than đựoc coi trọng.

+*Thương nghiệp* có bước phát triên mới ; quan hệ lưu thông buôn bán nội địa được đẩy mạnh.

+ *Giao thông vận tải* đựoc phát triển , đô thị đựoc mở rộng .

+*Tài chính* :Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy toàn bộ nền kinh tế ĐD.

+ Ngoài ra , Pháp còn tăng thuế.

27. <u>Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội Việt Nam.</u>

<u>a/ *Kinh tế* :</u>

- Qua cuộc khai thác lần thứ 2, Pháp đã du nhập vào Việt Nam nền sản xuất TBCN làm cho nền KT nước ta phát triển lên một bước nhưng vẫn lệ thuộc vào KT Pháp.
- Tuy nhiên, kinh tế tư bản xuất hiện nhưng chỉ ở một số vùng , còn lại phổ biến vẫn trong tình trạng lạc hậu .

<u>b/*Xã hội*</u> :

- Cùng với sự chuyển biến về KT, xã hội Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc, bên cạnh các tầng lớp giai cấp xã hội cũ (địa chủ và nông dân), xuất hiện những tầng lớp giai cấp xã hội mới: tiểu tư sản, tư sản và công nhân.
- Khả năng cách mạng của họ cũng khác nhau:

+ *Giai cấp địa chủ phong kiến* : là chỗ dựa của đế quốc Pháp. Tuy nhiên , một bộ phận không nhỏ tiểu và trung địa chủ tham gia phong trào dân tộc dân chủ , chống Pháp và tay sai.

+ *Giai cấp nông dân* : Chiếm hơn 90 % dân số, bị thực dân và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề. Nông dân là một *lực lượng cách mạng to lớn* của dân tộc.

+ *Giai cấp tiểu tư sản* : phát triển nhanh về số lượng.Họ có tinh thần dân tộc , chống đế quốc và tay sai; đặc biệt là bộ phận HSSV rất hăng hái trong đấu tranh dân tộc.

+ *Giai cấp tư sản* :

* Ra đời sau CTTG I, thế lực non yếu, lại bị cạnh tranh chèn ép và phân hóa thành 2 bộ phận:

* Tư sản mại bản: quyền lợi gắn chặt với tư bản Pháp

* Tư sản dân tộc: có tinh thần dân tộc dân chủ nhưng dễ thỏa hiệp

+ *Giai cấp công nhân* :

* Ra đời sớm, ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng (từ 10 vạn người tăng lên 22 vạn người)

* Ngoài những đặc điểm chung của công nhân thế giới, công nhân VN còn có những đặc điểm riêng: bị 3 tầng áp bức (tư bản Pháp, PK và TS dân tộc); Có quan hệ gắn bó với nông dân ; Kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc , sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản .

→nhanh chóng vươn nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

28. ***Hoạt động của Phan Bội Châu , Phan Chu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài.***

a/Phan Bội Châu.

- Sau nhiều năm hoạt động cứu nước ở Nhật và TQ , PBC bị giới quân phiêt bắt (1913) đến cuối năm 1917 mới đựoc thả.
- Năm 1925 bị thực dân Pháp , kết án tù và đưa về an trí ở Huế.

b/*Phan Chu Trinh*.

- Năm 1922, viết *Thất điều thư , tổ chức diễn thuyết* lên án chế độ quân chủ và quan trường VN , tiếp tục hô hào *Khai dân trí , chấn dân khí , hậu dân sinh…*

-Năm 1925 , PCT về nước , tiếp tục hoạt động đả phá chế độ quân chủ , đề cao dân quyền..đựoc nhân dân , nhất là thanh niên mến mộ và hưởng ứng.

c/*Nhiều Việt kiều ở Pháp* đã tham gia hoạt động yêu nước , chuyển tài liệu , sách báo tiến bộ về nước.Năm 1925 *Hội những người lao động trí óc ở Đông Dương ra đời* .

29. Hoạt động của tiểu tư sản , tư sản và công nhân Việt Nam

a/Tư sản :

-Tẩy chay Hoa kiều , vận động " chấn hưng nội hóa" "bài trừ ngoại hóa"

- Năm 1923:

+ Chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất khẩu lúa gạo của thực dân Pháp.

+Thành lập các tổ chức chính trị: Đảng Lập hiến (Bùi Quang Chiêu , Nguyễn Phan Long) nhóm *Nam Phong* (Phạm Quỳnh), *Trung Bắc tân văn* (Nguyễn Văn Vĩnh)

b/Tầng lớp Tiểu tư sản trí thức:

- *Thành lập các tổ chức chính trị*:Việt Nam nghĩa đoàn , Hội Phục VIệt , Đảng Thanh niên với nhiều hình thức hoạt động sôi nổi.
- *Ra nhiều tờ báo tiến bộ* : Chuông rè , An Nam trẻ , Người nhà quê, …
- Thành lập *các nhà xuất bản* xuất bản nhiều loại sách báo tiến bộ như như Nam đồng thư xã , Cường học thư xã…
- Năm 1923 tại Quảng Châu (TQ) thành lập *tổ chức Tâm tâm xã* .Ngày 19/6/1924 , *Phạm Hồng Thái mưu sát viên toàn quyền Pháp ở Sa Diện*(Quảng Châu) nhưng bất thành.
- *Sự kiện nổi bật* của phong trào dân ttọc dân chủ : cuộc đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925) và cuộc truy điệu Phan Chu Trinh (1926)

c/*Giai cấp công nhân :*

- Các cuộc đấu tranh ngày càng nhiều hơn song còn lẻ tẻ và tự phát.Đã thành lập tổ chức Công hội ở SG-CLớn.
-Tháng 8/1925 , công nhân xưởng Ba son bãi công , đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân VN.

30. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc(từ 1911 – 1930):

a/ Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc (từ 1911 - 1930): - Hoàn cảnh ra đi tìm đường cứu nước: Nguyễn Sinh Cung sinh trong một gia đình trí thức yêu nước; vùng quê có truyền thống đấu tranh; trước cảnh nước mất, nhà tan, các cuộc đấu tranh đều thất bại, bế tắc, Người đã quyết định đi sang phương Tây tìm đường cứu nước .- 5/6/1911 tại bến Nhà Rồng (Sài Gòn), Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước.- Từ năm 1911 đến năm 1917 người đi khắp nhiều nước trên thế giới. Người đã rút ra ở đâu cũng vậy bọn đế quốc chuyên đi áp bức bóc lột người khác, còn người lao động thì bị bóc lột.
- Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước , Nguyễn Ái Quốc trở về Pháp (1917) và gia nhập Đảng xã hội Pháp (1919)
- Tháng 6/1919 , gỏi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghi Véc xây
- Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin→tìm được đường lối cứu nước.
- Tháng 12 – 1920,Tại đại hội Đảng Xã hội Pháp (đại hội Tua), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc Tế Cộng Sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng Sản Pháp.
- Năm 1921, thành lập *Hội liên hiệp thuộc địa* →tập hợp lực lượng chống thực dân.
- Sáng lập *Báo người khổ* , tham gia viết bài cho các báo *Nhân đạo* , *Đồi sống công nhân* , viết cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*.
- Năm 1923, sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân .
- Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V(1924)
- Năm 1924 Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) đê tuyên truyền , xây dựng tổ chức cách mạng cho nhân dân VN.
- Sau khi đến Quảng Châu (TQ), Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng…
- 2/1925, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn, giác ngộ một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã, lập ra Cộng sản đoàn.
- 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập hội Việt Nam Cách Mạng thanh niên…
- Báo Thanh Niên, cơ quan ngôn luận của hội do NAQ sáng lập.
- 7/1925, cùng với một số nhà yêu nước Triều Tiên, Inđônêxia…Nguyễn Ái Quốc lập ra Hội Liên Hiệp Các Dân Tộc bị áp bức ở Á Đông.
- Đầu năm 1927, tác phẩm Đường Kách mệnh, gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở các lớp huấn luyện tại Quảng Châu, được xuất bản .
- Cuối năm 1929, từ Xiêm (Thái Lan) về Hương Cảng (TQ),triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng.
- Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Hương Cảng (Trung Quốc) .

+ Nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản VN .

+ Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng…do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

- Nguyễn Ái Quốc khẳng định, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải theo con đường cách mạng vô sản.

b/ Tác dụng của những hoạt động: là bước trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính Đảng vô sản ở VN .

c/ Công lao to lớn đầu tiên:

- Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối giải phóng dân tộc VN .

- Nhờ tìm được con đường cứu nước đúng đắn như đã nêu trên, nên mới dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1930; làm Cách mạng tháng Tám – 1945 thành công; tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ thắng lợi .

BÀI 13
PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1925 ĐẾN NĂM 1930

31. ***Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cách mạng:***

a/ Hội VN Cách Mạng thanh niên:

- Sau khi về Quảng Châu , NAQ mở lớp huấn luyện , đào tạo những thanh niên yêu nước thành các chiến sỹ cách mạng.
- Lựa chọn , giác ngộ một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã , lập ra Cộng sản đoàn (2/1925*).
- Tháng 6/1925 , *thành lập Hội VN cách mạng thanh niên* , cơ quan lãnh đạo là Tổng bộ , trụ sở đặt tại Quảng Châu; ra báo *Thanh niên,* cơ quan ngôn luận của Hội.
- Năm 1927 xuất bản cuốn sách *Đường Kách mệnh* →trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ CM , tuyên truyền đến giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân VN.
- *Xây dựng cơ sở trong nước*: đến năm 1929 hầu khắp cả nước đều có tổ chức Thanh niên.Các kỳ bộ được thành lập ở 3 kỳ.
- Thực hiện *chủ trương vô sản hóa* (1928)→phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ , trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước.Đấu tranh của công nhân đã nổ ra tại các trung tâm kinh tế, chính trị.
- Trong các năm 1928-1929 , các cuộc bải công của công nhân đã diến ra sôi nổi trong cả nước, nhất là tại các thành phố lớn và các trung tâm công nghiệp.
- Trong đấu tranh ,có sự liên kết giữa các ngành, vùng thành phong trào chung.
- Các cuộc đấu tranh của nông dân , tiểu thương , tiểu chủ cũng đã diến ra một số nơi.

<u>b/Tân Việt Cách mạng đảng</u>

- Tháng 7/1925 , một số tù chính trị ở Trung kỳ và một nhóm sinh viên trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội lập ra Hội Phục Việt , sau đổi thành Hưng Nam và đến 7/1928 đổi thành Tân Việt Cách mạng đảng (Đảng Tân Việt)
- *Thành phần*: trí thức nhỏ và thánh niên tiểu tư sản yêu nước.
- *Địa bàn hoạt động* chủ yếu: Trung kỳ.
- Do tác động của tổ chức TN →Tân Việt phân hóa :một số gia nhập tổ chức Thanh niên , số còn lại tích cực chuẩn bị để thành lập chính đảng vô sản.

c/*Đảng Quốc dân Việt Nam*

- Thành lập ngày 25/12/1927 từ tổ chức hạt nhân là Nxb Nam Đồng thư xã
- Người sáng lập: Nguyễn Thái Học , Phạm Tuấn Tài , Nguyễn Khắc Nhu , Phó Đức Chính .*Đây là chính đảng CM theo khuynh hướng DCTS , đại biểu cho tư sản dân tộc.*
- Nguyên tắc tư tưởng của Đảng : "Tự do –Bình đẳng – Bác ái".
- Mục tiêu : đánh đổ giặc Pháp , đánh đổ ngôi vua , thiết lập dân quyền.
- Chủ trương tiến hành cách mạng bằng bạo lực , lực lượng chủ yếu là binh lính người Việt trong quân đội Pháp được giác ngộ.
- Tổ chức cơ sở quần chúng ít, địa bàn hoạt động hẹp(Bắc kỳ.), tổ chức lỏng lẻo , sớm bị thực Pháp khủng bố.
- *Khởi nghĩa Yên Bái*:
  + Diễn ra trong thế bị động , bị đàn áp , khủng bố.
  +Bùng nổ đêm ngày 9/2/1930 , đầu tiên ở Yên Bái , sau đó là Phú Thọ , Hải Dương , Thái Bình..
  +Thất bại nhanh chóng song có tác dụng cổ vũ to lớn lòng yêu nước và ý chí căm thù giặc của nhân dân ta.

32.Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929.

- Năm 1929 , phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ , lan rộng .
- Tháng 3/1929 , Chi bộ cọng sản đầu tiên đựoc thành lập ở Bắc kỳ , nhằm chuẩn bị cho việc thành lập Đảng.
- Tháng 5/1929, tại Đại hội lần thứ nhất của tổ chức Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên, ý kiến thành lập đảng không đựoc chấp nhận , đoàn đại biểu bắc kỳ bỏ về nước và đến tháng *6/1929 đã quyết định thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng*, thông qua *Tuyên ngôn, Điều lệ*, ra báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận .
- Tháng 8/1929, tổ chức Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên ở Nam kỳ thành lập An Nam Cộng Sản Đảng.
- Tháng 9/1929, bộ phận tiên tiến trong Tân Việt tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn.
- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản phản ánh xu thế khách quan của Cách Mạng Việt Nam. Nhưng sự hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, làm cho phong trào cách mạng Việt Nam có nguy cơ dẫn đến chia rẽ.
- Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm sang Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản.

33 .<u>Hội nghị thành lập ĐCSVN</u> (6/1-8/2/1930)

a/ Sự thành lập Đảng

- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản bắt đầu họp từ ngày 6/1/1030 tại Cửu Long (Hương Cảng , TQ) do NAQ triệu tập và chủ trì.
- Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là ĐCSVN.
- Thông qua *Chính cương vắn tăt , Sách lược vắn tắt* của Đảng do NAQ soạn thảo.Đó chính là *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng.
- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.
- Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt nam mang tầm vóc lịch sử của một Đại hội thành lập Đảng.

b/Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo

- *Đường lối chiến lược cách mạng* : là tiến hành "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"
- *Nhiệm vụ của cách mạng*: đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam độc lập tự do, lập chính phủ công nông binh, …
- *Lực lượng cách mạng gồm*: Công, Nông, tiểu tư sản , trí thức. Với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản dân tộc thì lợi dụng hoặc trung lập họ.
- *Lãnh đạo cách mạng*: Đảng cộng sản Việt Nam.
- Vị trí: Cách mạng Việt Nam phải liên minh với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

c/ Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam:

- Là kết quả cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc ở Việt nam, là sự lựa chọn của lịch sử.
- Là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mac Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- Tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt nam.
  + Từ đây cách mạng Việt nam có đường lối đúng đắn khoa học, sáng tạo.
  + Là bước chuẩn bị đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Viêth Nam.
  + Cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận của cách mạng thế giới.

d/ Chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo của cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ai Quốc soạn thảo ?

-Tính đúng đắn : xác định con đường mà cách mạng Việt Nam phải trải qua là 2 giai đoạn. Trước làm cách mạng tư sản dân quyền, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.Như vậy, ngay từ những năm 1930 Nguyễn Ai Quốc đã xác định được con đường đi của cách mạng VN mà gần 80 năm qua vẫn còn nguyên giá trị đúng.

- Tính sáng tạo: ở lực lượng cách mạng trên cơ sở liên minh công - nông là đội quân chủ lực, thì Nguyễn Ai Quốc đã chỉ ra sự cần thiết của cách mạng VN phải biết đoàn kết với tiểu tư sản, tư sản dân tộc, tiểu trung địa chủ chưa lộ rõ phản cách mạng .
- Như vậy cương lĩnh chính trị đầu tiên thể hiện tính đúng đắn, sáng tạo là sự kết hợp cùng lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

g/ ***Tại sao nói Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam?***

- Đảng cộng sản VN ra đời đã vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng VN, đường lối đó là: trước làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau tiến lên làm cách mạng XHCN.
- Vạch ra được phương hướng cách mạng đúng. Đó là phương pháp đấu tranh cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênnin.
- Làm cho cách mạng VN trở thành một bộ phận khắn khít của cách mạng thế giới.
- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng VN.

CHƯƠNG II
VIỆT NAM TỪ NĂM 1030 ĐẾN NĂM 1945
BÀI 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1945

34. Phong trào cách mạng 1930-1931.

a/ Nguyên nhân :

-Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
-Đàn áp khủng bố của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái.
- Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo phong trào đấu tranh.

b/Diễn biến:

-*Từ tháng 2-4/1930* : nổ ra nhiều cuộc *đấu tranh của công nông* . đòi cải thiện đời sống như tăng lương , giảm giờ làm , giảm sưu thuế…bên cạnh đó cũng xuất hiện những khẩu hiệu chính trị : chống đế quốc, phong kiến…
-Tháng 5: đã diến ra nhiều cuộc đấu tranh trong phạm vi cả nước nhân ngày 1/5.Tiếp đó trong các tháng 6,7,8 tiếp tục nổ ra các cuộc đấu tranh của công nông và các tầng lớp lao động khác trong cả nước.
-Tháng 9/1930 , phong trào đấu tranh dâng cao ở hai tỉnh Nghệ An ,Hà Tỉnh : hàng nghìn nông dân biểu tình (có vũ trang tự vệ) kéo lên huyện, tỉnh đòi giảm sưu thuế.Công nhân Vinh-Bến thủy đã bãi công hưởng ứng.-Tiêu biểu là cuộc *biểu tình của nông dân Hưng Nguyên* (Nghệ An) ngày 12/9/1930 với hơn 3 vạn người tham gia.Pháp đã cho máy bay ném bom làm 217 ngừơi chết , 126 người bị thương→quần chúng kéo đến huyện lỵ , phá nhà lao , đốt huyện đường…chính quyền thực dân phong kiến ở nhiều lãng xã tê liệt ,tan rã .Trước tình hình đó , các cấp ủy Đảng thôn xã đứng ra điều hành mọi hoạt động của làng xã →chính quyền Xô Viết hình thành.

35. Xô Viết Nghệ-Tĩnh

a/*Về chính trị* :

- Các đội tự về đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.
- Các đoàn thể cách mạng thu hút đông đảo nhân dân tham gia hoạt động.

b/*Về kinh tế* : chia ruộng đất cho nông dân nghèo , bãi bỏ thuế thân , xóa nợ cho dân nghèo , sửa sang cầu cống đê điều , lập các tổ chức để nông dân giúp đở nhau sản xuất.

c/*Về văn hóa –xã hội* :tổ chức dạy chữ quốc ngữ , xóa bỏ tệ nạn xã hội ; trật tự an ninh được giữ vững.
d/*Ý nghĩa*:là đỉnh cao của PTCM 1930-1931, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ nhân dân trong cả nước.
-Trước tác động của phong trào , *thực dân Pháp tiến hành khủng bố dã man:*
+*Quân sự*: thiết lập hệ thống đồn binh ở hai tỉnh;càn quét , băn giết , đốt phá làng mạc.
+*Chính trị* : chia rẽ , dụ dỗ , mua chuộc.
→tổ chức Đảng bị phá vỡ , nhiều cán bộ , đảng viên bị bắt , tù đày →từ giữa năm 1931, phong trào tạm lắng.

36. Nội dung cơ bản của Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 của Đảng cộng sản Đông Dương. Trong nội dung Luận cương đó có một số nhược điểm gì ?

a/ Nội dung cơ bản

- Xác định những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Đông Dương: lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền, sau đó sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ TBCN, tiến thẳng lên con đường XHCN.
- Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là đánh đổ PK và đế quốc,hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít với nhau.
- Động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân. Trong đó lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân cới đội tiên phong là Đảng cộng sản.
- Nêu rõ hình thức và phương pháp đấu tranh, mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới.

b/ Một số nhược điểm

- Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa được ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.
- Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của các tầng lớp TTS, khả năng chống PK ở mức độ nhất định của giai cấp tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống ĐQ và tay sai

37. Ý nghĩa lịch sử của cao trào cách mạng 1930 - 1931

- Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng , quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- Khối liên minh công nông hình thành.
- Được QTCS đánh giá cao , ĐCSĐD được công nhận là phân bộ của QTCS.

38.***Tại sao nói: " Cao trào cách mạng 1930 – 1931 là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho thắng lợi của cách mạng tháng Tám" ?***

- Khẳng định trong thực tế vai trò và khả năng lãnh đạo của Đảng, chứng minh sự đúng đắn của đường lối cách mạng do Đảng đề ra.
- Chứng minh khả năng, sức mạnh to lớn của giai cấp công – nông, hình thành trên thực tế khối đoàn kết công – nông.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về phân hoá kẻ thù, về giành chính quyền và bảo vệ chính quyền.

Bài 15

PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939

***39. Hoàn cảnh lịch sử, những chủ trương lớn, những phong trào tiêu biểu trong thời kì 1936 – 1939* :**

a/. <u>Hoàn cảnh lịch sử</u>:

- Đầu những năm 30 của thế kỉ XX, chủ nghĩa phát xít xuất hiện, chuẩn bị chiến tranh thế giới.
- Tháng 7-1935, quốc tế cộng sản họp đại hội lần thứ VII xác định: nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, đòi quyền dân chủ, bảo vệ hòa bình, thành lập Mặt trận nhân dân chông phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- Tháng 6-1936, chính phủ Mặt trận Nhân dân lên nắm chính quyền ở Pháp, đã thực hiện một số chính sách tiến bộ, nới rộng một số quyền tự do, dân chủ ở Việt Nam.

b/ <u>Chủ trương của Đảng</u>:

- Đảng tiến hành Đại hội vào tháng 7-1936 đề ra chủ trương trong giai đoạn 1936-1939:
  + Xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng lúc nầy là: Đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo…
  + Phương pháp đấu tranh: kết hợp các hình thức công khai và bí mật hợp pháp và bất hợp pháp.
  + Chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3-1938 đổi thành Mặt trận dân chủ.

c/ <u>Những phong trào tiêu biểu</u>:

- Đấu tranh đòi quyền tự do, dân sinh, dân chủ:
  + Phong trào Đông Dương đại hội (giữa 1936)
  + Phong trào đón tiếp phái viên chính phủ Pháp (đầu 1937)
  + Các cuộc mít tinh biểu tình của các tầng lớp nhân dân.
  + Hình thức đấu tranh: hội họp, " Dân nguyện", mít tinh, biểu tình đưa yêu sách, đòi dân sinh dân chủ; đón tiếp phái viên chính phủ Pháp, đấu tranh công khai, hợp pháp.
- **Kết quả**: thực dân Pháp tìm mọi cách ngăn chặn, nhưng đã phải giải quyết một số yêu sách của nhân dân.
- **Ý nghĩa**:
  + Làm thức tỉnh quần chúng lao động.
  + Đảng ta tích lũy được một số kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp.
- Đấu tranh nghị trường:
  + Đưa người của Đảng ra ứng cử, dùng báo chí tuyên truyền vận động cử tri bỏ phiếu cho những ứng cử tri nầy.
  + Mở rộng lực lượng của mặt trận, vạch trần chính sách phản động của thực dân .
- Đấu tranh trên lãnh vực bão chí:
  + Ra nhiều tờ báo công khai, tuyên truyền, vận động dân sinh dân chủ.

+ Xuất bản và cho lưu hành công khai nhiều sách: chính trị- lí luận, tác phẩm hiện thực phê phán, thơ ca cách mạng.
+ Giác ngộ các tầng lớp nhân dân về con đường cách mạng của Đảng.

40. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936 – 1939

- Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một phong trào quần chúng rộng lớn có tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách của nhân dân.
- Đông đảo quần chúng được giác ngộ tham gia vào mặt trận, trở thành đội quân chính trị hùng hậu.
- Đảng ta trưởng thành và tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo. Phong trào 1936-1939 là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám.

41/ Lập bảng so sánh với cao trào cách mạng 1930 – 1931 về các mặt: nhiệm vụ, hình thức đấu tranh, lực lượng tham gia

	Nhiệm vụ	**Hình thức đấu tranh**	**Lực lượng tham gia**
Cao trào cách Mạng 1930 -1931	Chống đế quốc chống phong kiến,thực hiện *" độc lập dân tộc" và " người cày có ruộng"*	Bãi công, biểu tình, Đấu tranh vũ trang.	Công nhân, nông dân
Cao trào cách Mạng 1936 -1939	Chống phát xít, chống Chiến tranh đế quốc, Phản động thuộc địa và Tay sai. Đòi tự do, dân Chủ, cơm áo, hoà bình.	Mọi hình thức đấu tranh: Công khai, hợp pháp, Nửa công khai, bí mật.	Các giai cấp, các tầng lớp (công nhân, nông dân, Trí thức, dân nghèo thành thị thị), các giới, các đoàn thể, các hội.

BÀI 16
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

42. VN TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945)

a/<u>Tình hình chính trị</u>

- Tháng 9/1939 , CTTG II bùng nổ.Pháp đầu hàng Đức→tác động lớn đến tình hình ĐD.
- Ở ĐD , đô đốc Đờcu lên làm toàn quyền đã thực hiện nhiều chính sách nhằm vơ vét sức người sức của phục vụ chiến tranh.
- Cuối 9/1940 , Quân Nhật tiến vào miền Bắc. Pháp ở ĐD nhanh chóng đầu hàng. *Phát xít Pháp -Nhật câu kết với nhau để bóc lột kinh tế và đàn áp về chính trị đối với nhân dân ta.*

- Nhật và tay sai ra sức tuyên truyền về văn minh và sức mạnh Nhật Bản , về thuyết Đại Đông Á , dọn đường cho việc hất cẳng Pháp.
- Đến năm 1945 , quân Đức-Nhật thất trận nặng nề.
Ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp.Các đảng phái chính trị tăng cường hoạt động.*Quần chúng nhân dân sục sôi khí thế CM , sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa.*

b/Tình hình kinh tế- xã hội

-Thực dân Pháp thực hiện chính sách *kinh tế chỉ huy* : tăng thuế cũ , đặt thêm thuế mới , kiểm soát việc sản xuất và phân phối, ấn định giá cả…

-Phát xít Nhật:

+Buộc Pháp nộp khoản tiền lớn và xuất sang Nhật than, sắt , cao su…

+Bắt nông dân phá lúa trồng đay , thầu dầu phục vụ vhiến tranh.

+Một số công ty Nhật đầu tư vào khai thác manggan , sắt , apatit…phục vụ nhu cầu quân sự.

→chính sách vơ vét , bóc lột của P-N → cuối năm 1944 đầu 1945 2 triệu đồng bào chết đói →tất cả các tầng lớp giai cấp (trừ tay sai đế quốc , đại địa chủ và tư sản mại bản) đều bị ảnh hưởng đời sống.

43. Hội nghị Ban chấp hành TWĐCSĐD tháng 11/1939.

***a/ Nội dung hội nghị*:**

- Xác định *nhiệm vụ , mục tiêu trước mắt*: đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc, làm cho ĐD hoàn tòan độc lập
- *Tạm gác khẩu hiệu* CM ruộng đất và lập chính quyền Xô viết thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ tay sai đế quốc , thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa.
- Về *mục tiêu phương pháp đấu tranh*:chủ trương:

+Chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ sang đánh đổ đế quốc và tay sai.

+Từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật , bất hợp pháp.

+Chủ trương thành lập MTDTTNPDĐD thay cho MTDCDD.

b/ Ý nghĩa: đánh dấu bước *chuyển hướng quan trọng về chỉ đạo chiến lược* , thể hiện sự *nhạy bén* về chính trị và năng lực *sáng tạo* của Đảng.

44. Hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Hội nghị TW Đảng lần 8 (5/ 1941)

a/ Hoàn cảnh diễn ra hội nghị

- Ngày 28/1/1941, NAQ về nước trực tiếp lãnh đạo CM.
- Từ ngày 10 – 19 / 5 / 1941, NAQ đã triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 BCHTWĐ tại Pắc Bó (Hà Quảng - Cao Bằng).

***b/* Nội dung Hội nghị**:

- *Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt* là giải phóng dân tộc , tạm gác khẩu hiệu CM ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. hội nghị chỉ rõ sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp – Nhật sẽ thành lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
- *Thay tên* các hội Phản đế thành hội Cứu quốc , *thành lập Mặt trân Việt Nam độc lập đồng minh* thay cho Mặt trận Tống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

- Xác định *hình thức khởi nghĩa* : khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh:chuẩn bị khởi nghãi là nhiệm vụ trung tâm .

c/ Ý nghĩa hội nghị:

- Đã *hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược* nhằm gải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo để thực hiện mục tiêu ấy.

- Ngày 19/5/1941, Việt Nam độc lậpđồng minh (gọi tắt là Việt Minh) ra đời Sau đó Tuyên ngôn , Chương trình , Điều lệ của Việt Minh đựoc công bố và được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ

d/ Trong hội nghị TW Đảng lần thứ 8, theo em chủ trương nào là quan trọng nhất? Vì sao?

- Chủ trương quan trọng nhất là đặt nhiện vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu
- Là vì " nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.

45.. Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng được đề ra tại hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (1 – 1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam (10 – 1930) và Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941).

a/ Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên

- Xác định lực lượng cách mạng là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức; còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản thì lợi dụng hoặc trung lập.
- Nhận xét:
  + Hội nghị đã thấy rõ thái độ chính trị và khả năng cách mạng của mỗi giai cấp trong xã hội Việt Nam thuộc địa, xác định đúng vai trò, vị trí của từng giai cấp, tầng lớp.
  + Phát huy sức mạnh dân tộc, phân hóa và cô lập kẻ thù để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

b/Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương với bản Luận cương chính trị tháng 10 – 1930

- Xác định động lực của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân.
- Nhận xét:
  + Đã xác định được động lực cách mạng, nhưng không đánh giá đúng khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, khả năng chống đế quốc và phong kiến ở mức độ nhất định của tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo một bộ phận trung, tiểu địa chủtham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc và tay sai.
  + Đây là điểm khác với Cương lĩnh chính trị đầu tiên và cũng là hạn chế củaLuận cương ch1inh trị tháng 10 – 1930

c/ Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương

- Chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, đổi tên các Hội Phản đế thành Hội Cứu quốc, nhằm tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp, giai cấp và cá nhân yêu nước.

- Nhận xét:

+ Chủ trương trên đã huy động đến mức cao nhất lực lượng toàn dân tộc thực hiện nhiệm vụ số một là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do.

+ Khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10 – 1930 và khẳng định chủ trương đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, góp phần trực tiếp đưa cách mạng tháng Tám đến thành công.

46.. ***Khởi nghĩa từng phần (3-8/1945)***

a/NHật đảo chính Pháp

- Đầu năm 1945, trên đường Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béclin – sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức – một loạt nước châu Âu được giải phóng.

- Ở Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương, quân Đồng minh giáng cho quân Nhật những đòn nặng nề.

- Trước tình hình đó, vào đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp→Pháp đầu hàng nhanh chóng.

b/Ngày 12/3/1945 , BTVTWĐảng họp , ra chỉ thị "*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*":

- *Kẻ thù chính* :phát xít Nhật
- *Thay khẩu hiệu* "Đánh đuổi Pháp –Nhật" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật"
- *Chuyển hình thức đấu tranh* từ bãi công ,bãi thị sang biểu tình thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.
- "Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa"

47. Cách mạng tháng Tám năm 1945

a/ Nguyên nhân:

- Khách quan: Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ thuận lợi đã đến.

Chủ quan: dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ và Mặt trận Việt Minh cao trào kháng Nhật cứu nước phát triển mạnh.

b/ Nhật đầu hàng Đồng minh , lệnh Tổng khởi nghĩa đựoc ban bố

- Ngày 6 và 9/8/1945 , Mỹ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hirôsima và Nagadaki.
- Ngày 9/8/1945 , Hồng quân LX tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc TQ.
- Ngày 15/8/1945 , Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng phe Đồng minh →quân NHật và tay sai ở ĐD hoang mang suy sụp.Điều kiện khách quan thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến.
- Ngày 13/8/1945 , TWĐ và Tổng bộ *VM thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc* →ra "Quân lệnh số 1" phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Ngày 14-15/8:Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào thông qua kế hoạch khởi nghĩa.

-Ngày 16-17/8:*Đại hội Quốc dân* (Tân Trào) tán thành chủ trương TKN , thông qua 10 chính sách của VM , cử ra *Ủy ban dân tộc giải phóng VN* do HCM làm chủ tịch , qui đinh quốc kỳ , quốc ca.

c/ Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa

- Từ ngày 14/8 , nhiều xã , huyện trong cả nước đã khởi nghĩa giành chính quyền.
- Chiều 16/8 , một đơn vị quân giải phóng do đ/c Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng Thái Nguyên
- Ngày 18/8: có 4 tỉnh giành đựoc chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất là Bắc Giang , Hải Dương , Hà Tĩnh , Quảng Nam
- Ở Hà Nội , ngày 17/8 : một cuộc mitinh lớn được tổ chức sau đó chuyển thành cuộc biểu tình tuần hành qua các đường phố kêu gọi khởi nghĩa.
- Ngày 19/8: nhân dân ngoại , nội thành xuống đường biểu dương lực lượng .Quần chúng CM, có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu đã tiến chiếm các cơ quan chính quyền địch ở Hà Nội.Tối 19/8: khởi nghãi thắng lợi.
- Ở Huế : ngày 23/8 : khởi nghĩa giành thắng lợi.
- Ở Sài Gòn : ngày 25/8 : khởi nghĩa thắng lợi.

→Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội , Huế , Sài Gòn có tác dụng thúc đẩy các địa phương khởi nghĩa giành chính quyền .Địa phương giành chính quyền cuối cùng là Đồng Nai Thượng và Hà Tiên(28/8) ..Như vậy , cuộc TKN đã giành thắng lợi trong vòng 14 ngày (14- 28 /8).

- Ngày 30/8 : vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ.

d/ Cơ hội ngàn năm có một mà Đảng và nhân dân ta đã tận dụng khi phát động tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 là gì? Tác dụng của cơ hội đó như thế nào?

- Cơ hội ngàn năm có một là :Hồng Quân Liên Xô và quân Đồng Minh đã đanh tan phát xít Đức – Nhật, góp phần quyết định vào thắng lợi chung của các lực lượng hoà bình dân chủ trên thế giới. Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật đã gục ngã .
- Tác dụng : tổng khởi nghĩa giành thắng lợi một cách tương đối nhanh chóng và ít đổ máu.

48 .SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA NÓ

a/ Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

- *Ngày 25/8*: chủ tịch HCM , TWĐ và Ủy ban dân tộc giải phóng VN từ Tân Trào về Hà Nội.
- *Ngày 28/8* : Ủy ban dân tộc gải phóng VN được chuyển thành *Chính phủ lâm thời nước VNDCCH* và HCT soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*
- *Ngày 2/9/1945* tại Quảng trường Ba Đình HN , chủ tịch HCM đọc *Tuyên ngôn độc lập* , tuyên bố nước *VNDCCH* được thành lập

<u>b/. Ý nghĩa lịch sử</u>

- Nước việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời là 1 biến cố lịch sử vĩ đại của dân tộc, đã xoá bỏ hoàn toàn chế độ bóc lột của phong kiến và đế quốc.
- Đưa nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và CNXH. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.
- Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á đã góp phần cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc.
- Sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà còn gắn liền với tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam.

49. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học của Cách mạng tháng Tám 1945.

a/ Ý nghĩa:
- Tạo ra một bước ngoặt mới trong lịch sử dân tộc, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp hơn 80 năm và ách thống trị của Nhật gần 5 năm, lật nhào chế độ phong kiến.
- Mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng người lao động.
- Góp phần vào thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- Cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

b/ *Nguyên nhân thắng lợi*:
- **Khách quan**:
  + Quân Đồng minh đánh thắng phát xít tạo cơ hội khách quan thuận lợi cho nhân dân ta giành chính quyền.
- **Chủ quan**:
  + Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, vì vậy khi Đảng kêu gọi cả dân tộc nhất tề đứng lên.
  + Sự lãnh đạo đúng đắn sáng tạo của Đảng, Hồ Chí Minh.
  + Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, rút kinh nghiệm qua đấu tranh, chớp đúng thời cơ.
  + Trong những ngày khởi nghía toàn Đảng toàn dân quyết tâm cao.

- Nguyên nhân chủ yếu
  + Trong những nguyên nhân trên sự lãnh đạo tài tình của Đảng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám.
  + Với đường lối cách mạng đúng đắn và sự nhạy bén chính trị, Đảng ta đã :
  + Giải quyết một cách khoa học mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến.
  + Thực hiện có hiệu quả tư tưởng bạo lực cách mạng.
  + Vừa tích cực, kiên trì chuẩn bị lực lượng mọi mặt, vừa kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi, phát động nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

c/ *Bài học kinh nghiệm*:

+ Đảng phải có đường lối đúng đắn , nắm bắt tình hình thế giới và trong nước đẻ đề ra chủ trương biện pháp cách mạng phù hợp.

+ Tập hợp rộng rãi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

+ Chỉ đạo linh hoạt,, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần, chớp đúng thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa.

Bài 17
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2 – 9 – 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 – 12 – 1946

50. Tại sao lại nói, sau khi thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

1. Khó khăm:

a/ Thù trong giặc ngoài

- Từ vĩ tuyến 16 ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc kéo vào gây khó khăn cho ta.
- Từ vĩ tuyến 16 vào Nam, có hơn 1 vạn quân Anh kéo vào tạo đđiều kiện cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

Tay sai Trung Hoa Dân Quốc là Việt Quốc, Việt Cách về nước hòng cướp chính quyền của ta.

- Các giáo phái phản động chống phá cách mạng ở miền Nam
- Ngoài ra, trên cả nước còn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp

b/ Khó khăn đối nội:

- Chính quyền cách mạng mới thành lập, còn non yếu và chưa có nhiều kinh nghiệm.
- Lực lượng vũ trang cách mạng còn nhỏ bé trang bị thô sơ và thiếu kinh nghiệm.
- Nền kinh tế lạc hậu, nạm đđói chưa khắc phục, nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay tư bản Pháp, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, đđời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
- Ngân sách Nhà nước trống rỗng
- Hơn 90 % dân số mù chữ (do chính sách ngu dân)
- Đất nước đứng trước tình thế " ngàn cân treo sợi tóc".

2/ Thuận lợi cơ bản.

a/ Trong nước

- Sự lãnh đạo của Đảng và Hồ chủ tịch (có uy tín tuyệt đối với nhân dân, dày dặn kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng)
- Nhân dân phấn khởi, gắn bó với chế độ. Quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng và độc lập dân tộc

b/ Thế giới

- Hệ thống XHCN đang hình thành
- Phong trào GPDT phát triển mạnh mẽ
- Phong trào hoà bình, dân chủ phát triển

51. Bước đầu xây dựng chính quyền mới và cuộc đấu tranh chống giặc đói, giặc dốt, giải quyết khó khăn về tài chính. Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, nội phản bảo vệ chính quyền cách mạng.

***1. Xây dựng chính quyền cách mạng*:**

- Ngày 6/1/1946, cả nước cả nước tiến hành tổng tuyển cử bầu quốc hội (Quốc hội khóa 1)
- Ngày 2/3/1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên, bầu Hồ Chí Minh làm chủ tịch nước.
- Ngày 9/11/1946, thông qua hiến pháp đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.
- Ở các địa phương bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.
- Lực lượng vũ trang được chú trọng xây dựng, chấn chỉnh. Cuối năm 1945, quân đội được tăng cường phát triển.

2. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính:

a/ Giải quyết nạn đói:

+ Là nhiệm vụ cấp bách.

+ Để cứu đói, chính phủ kêu gọi nhân dân nhường cơm sẻ áo, quyên góp, thực hành tiết kiệm.

+ Chính phủ kêu gọi đồng bào " Tăng gia sản xuất", giảm tô 25%, giảm thuế đất 25%, tạm cấp ruộng đất . Kết quả nạn đói được đẩy lùi.

b/ Giải quyết nạn dốt:

+ Là nhiệm vụ cấp bách.

+Ngày 8/9/1945, Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh lập Nha Bình dân học vụ, phát động phong trào xóa nạn mù chữ.

+ Kết quả: đến cuối 1946, cả nước tổ chức được 76000 lớp học, xóa mù chữ cho hơn 2,5 triệu người.

+ Trường học các cấp được khai giảng sớm.

c/ Giải quyết về tài chính:

+Kêu gọi nhân dân quyên góp xây dựng quỹ độc lập. Kết quả quyên góp được 370 kg vàng và 20 triệu đồng vào quỹ độc lập.

+ Ngày 23/11/1946 tờ giấy bạc Việt nam được lưu hành.

3. ***Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng***:

- Sau khi Nhật đầu hàng, Pháp có dã tâm xâm lược nước ta đêm 22 rạng 23/9/1945 Pháp đánh úp ủy ban nhân dân Nam Bộ mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- Quân dân Sài Gòn- Chợ lớn cùng nhân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên bằng mọi hình thức.
- Từ 10/1945 quân Pháp được tăng viện mở rộng đánh chiếm Nam bộ và Trung bộ.
- Chính phủ huy động cả nước chi viện cho miền Nam, gởi những đoàn quân nam tiến vào chiến đấu và quyên góp ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến.

*** *Ý nghĩa*:** Ngăn chặn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp. Góp phần bảo vệ chính quyền cách mạng, nhân dân Nam bộ xứng đáng với danh hiệu thành đồng của tổ quốc.

*** *Sách lược của ta đối với Pháp, Tưởng*:**

- Trước 6/3/1946:
+ Hòa hoãn với tưởng (nhân nhượng một số quyền lợi về kinh tế như cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, nhận tiêu tiền " quan kim" đồng ý cho bọn Việt gian: Việt quốc, Việt cách tay sai 70 ghế trong quốc hội)
+ Tập trung đánh Pháp từ 23/9/1945. Cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến Nam Bộ
- Sau 6/3/1946:
+ Do hiệp ước Hoa- Pháp, chính phủ ta tạm thời hòa hoãn với Pháp bằng cách ký hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946 để đuổi Tưởng và bè lũ tay sai ra khỏi miền bắc, tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng đối phó lâu dài với âm mưu xâm lược của Pháp.
+ **Nội dung hiệp định sơ bộ 6/3/1946**:
. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do,có chính phủ , có nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối liên hiệp Pháp.
. Chính phủ ta thỏa thuận cho 15000 quân Pháp thay quân Tưởng giải giáp quân Nhật và rút dần trong 5 năm, còn 20 vạn quân Tưởng phải rút hết về nước.
. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo thuận lợi cho cuộc đàm phán ở Paris.
. Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích, chính phủ ta tiếp tục kí tạm ước 14/9/1946 nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống Pháp
* <u>*Nội dung tạm ước*</u>: ta tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa .
→ Việc kí các hiệp định, tạm ước: chứng tỏ Đảng và HCT đã có những chủ trương sáng suốt tài tình đưa nhân dân ta vượt qua những thử thách to lớn lúc đó. Đảng ta đã biết cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẽo về phương pháp, biết lợi dung mâu thuẫn kẻ thù không cho chúng tập trung lực lượng chống phá ta.
Đảng và nhân dân ta đã chuẩn bị mọi lực lượng sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mà ta biết chắc là ta không thể nào tránh khỏi.

5/ Để giành thắng lợi trong việc giải quyết khó khăn thì ngoài sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh ra, theo em còn có nguyên nhân nào khác rất quan trọng? Vì sao?

- Nguyên nhân quan trọng là: nhân dân ta làm theo sự lãnh đạo của Đảng .
- Tại vì :
+ Nhân dân đã nhận thấy sự lãnh đoạ của Đảng là sáng suốt, tài tình, phù hợp với hoàn cảnh thực tế lúc đó nên quyết tâm theo Đảng .
+ Nhân dân đã hiểu rõ nỗi khổ nhục của người dân mất nước, nên quyết tâm chiến đấu bảo vê thành quả cách mạng tháng 8 vừa mới giành được.

Bài 18

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)

52. Hãy trình bày những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ (từ 23/9/1945 đến trước ngày Toàn quốc kháng chiến 19/12/1946).

***a/Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta* :**

-Ngay sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, Pháp thành lập đạo quân viễn chinh sang xâm lược Việt Nam do Leclere chỉ huy.

-2/9/1945, Pháp kiều bắn vào cuộc míttinh của nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn chào mừng ngày độc lập.

-6/9/1945, một số đơn vị lính Pháp nấp bóng quân Anh kéo vài Sài Gòn.

-Mờ sáng 23/9/1945, Anh giúp đỡ Pháp bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

***b/ Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ* :**

-Quân dân Sài Gòn – Chợ Lớn anh dũng đánh trả quân Pháp bằng mọi hình thức, mọi vũ khí : tổng bãi công, bãi thị, đốt kho hàng, đốt tàu chiến, đánh phá sân bay…

-Từ 5/10/1945, Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam và Nam Trung Bộ.

-Cuối tháng 10/1945, Hội nghị xứ ủy Nam Kì quyết định tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng cơ sở bí mật trong vùng tạm chiến, khôi phục lại chính quyền CM ở những nơi bị tan vỡ.

-Sau Hội nghị Xứ ủy Nam Kì (10/1945), phong trào được gây dựng trở lại, các cơ sở chính trị, vũ trang được phát triển.

+***Cả nước hướng về Nam Bộ và Nam Trung Bộ*** : Đảng, chính phủ và Hồ Chủ tịch phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời tích cực đối phó với âm mưu của thực dân Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước.

+***Các biện pháp*** : tổ chức toàn dân kháng chiến, mỗi tỉnh thành lập từ 1 đến 2 đơn vị Nam tiến, toàn dân đóng góp công sức, của cải cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

****Tác dụng và ý nghĩa*** : quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian chuẩn bị tổ chức kháng chiến lâu dài.

53. Hãy trình bày hoàn cảnh bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp.

+Ta nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9, tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng :

-22/5/1946, Vệ quốc quân chính thức trở thành quân đội quốc gia của nước VNDCCH.

-29/51946, thành lập Hội Liên Việt.

-9/11/1946: Quốc hội ban hành Hiến pháp. Đây là cơ sở pháp lý để ta đấu tranh với địch.

-Ngừng bắn ở miền Nam.

-Trao trả cho Pháp một số tù binh.

-Giao Viện Pasteur ở Hà Nội cho Pháp.

+Pháp không thực hiện nghiêm chỉnh các Hiệp định đã kí, tăng cường khiêu khích chống phá ta.

-Pháp không chịu đình chiến ở miền Nam.

-Thành lập chính phủ Nam Kì tự trị.

-27/11/1946: Pháp chiếm Hải Phòng.

-17/12/1946: Pháp gây ra vụ tàn sát ở phố Hàng Bún, chiếm Bộ Tài chính, Bộ Giao thông tại Hà Nội.

-18/12/1946: Pháp gởi tối hậu thư đòi ta phải giải tán đội tự vệ và đòi quyền kiểm soát HN.

+Chính phủ ta đã tìm mọi cách dàn xếp xung đột, gửi thư cho Quốc hội và chính phủ Pháp kêu gọi hòa bình.

+Nhưng trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, Đảng và Hồ Chủ tịch quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc để bảo vệ độc lập tự do.

+Đêm 19/12/1946, Hồ Chủ tịch ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến": Chúng ta muốn hòa bình nên đã phải nhân nhượng, nhưng Pháp càng lấn tới vì chúng quyết cướp nước ta một lần nữa; Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ … Giờ cứu nước đã đến….".

+20/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Toàn dân kháng chiến".

+Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Bí thư Trường Chinh (9/1947)

+Ba văn kiện trên đã nêu khái quát mục đích, tính chất và đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh.

+Đây là cương lĩnh hành động, phác họa một cách cơ bản về tư tưởng đường lối chiến tranh nhân dân, tư tưởng quyết chiến thắng của dân tộc Việt Nam.

+Đây còn là ngọn cờ cổ vũ, dẫn dắt toàn dân kháng chiến lâu dài và nhất định thắng lợi.

54. Hãy phân tích nội dung, ý nghĩa Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh

a/ Nội dung.

19/12/1946, toàn quốc kháng chiến bùng nổ.

Đêm 19/12/1946, Hồ Chủ tịch ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến".

Trong Lời kêu gọi này :

+ Người vạch rõ nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh này là do chính sách xâm lược của thực dân Pháp:

"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!".

+ Người nêu lên quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của dân tộc :

"Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

"Giờ cứu nước đã đến ! Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước".

+ Người kêu gọi toàn dân đoàn kết vùng dậy đánh giặc:

"Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứgn lên chống thực dân Pháp để cứu Tổ quốc".

+ Bằng mọi phương tiện có trong tay :

"*Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuồng, gậy, gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".*

+ Và Người khẳng định niềm tin tất thắng của cuộc kháng chiến:

"Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta".

b/ Ý nghĩa lịch sử.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch nói lên :

-Chân lý thiêng liêng "không có gì quý hơn độc lập tự do".

-Là biểu hiện tinh thần bất khuất, quyêt tâm sắt đá của dân tộc ta.

-Là lời hịch cứu nước, có tác dụng động viên, thôi thúc, cổ vũ nhân dân ta vùng dậy chống giặc cứu nước.

-Lời kêu gọi đó đã phác họa ra những nét cơ bản về đường lối chiến tranh nhân dân và được Đảng ta phát triển hoàn chỉnh thành đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh cách mạng tiến công, giục giã và soi đường chỉ lối cho mọi người Việt Nam đứng dậy cứu nước.

55. Hãy phân tích đường lối chiến tranh nhân dân được Đảng ta đề ra từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ?

Đêm 19/12/1946, đồng bào cả nước đã nhất tề đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp để bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc.

1/Hoàn cảnh lịch sử.

Ngay từ đầu kháng chiến, Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch đã kịp thời đề ra đường lối kháng chiến để lãnh đạo cuộc chiến đấu của quân dân ta.

Đường lối đó được vạch ra trong các văn kiện lịch sử và tác phẩm sau đây:

-Bản chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban thường vụ Trung ương Đảng (20/12/1946) : vạch rõ mục đích, tính chất, phương châm cơ bản và chương trình của kháng chiến.

-"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Hồ Chủ tịch (19/12/1946) : khẳng định quyết tâm kháng chiến và nêu lên tư tưởng cơ bản về chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân.

-Tác phẩm " Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh (1947): giải thích rõ đường lối kháng chiến của Đảng và Hồ Chủ tịch.

2/Phân tích đường lối kháng chiến của Đảng.

Cuộc kháng chiến của ta là cuộc chiến tranh nhân dân vì độc lập, tự do và hòa bình thế giới.

Đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến là đường lối chiến tranh nhân dân :

-Toàn dân: vì lợi ích của toàn dân và do toàn dân chiến hành.

-Toàn diện: đánh địch về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao.

-Trường kỳ: áp dụng chiến lược đánh lâu dài, dựa vào sức mạnh của mình là chính, với ưu thế tuyệt đối của ta về chính trị và tinh thần đê khắc phục dần những nhược điểm về vật chất kỹ thuật khiến cho ta càng đánh càng mạnh, địch càng đánh càng suy yếu dần dần, làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch, cuối cùng đánh bại chúng.

-Tự lực cánh sinh: chủ yếu là dựa vào sức mạnh của nhân dân, đồng thời tranh thủ viện trợ quốc tế. Muốn đánh lâu dài, phải dựa vào sức mình là chính.

Tư tưởng chiến tranh nhân dân của đường lối đó thể hiện sâu sắc qua mục đích của cuộc chiến tranh, vai trò của nhân dân trong cuộc chiến tranh (lấy dân làm gốc), phương thức xây dựng lực lượng, chiến thuật, chiến lược.

Đường lối đó đã được thể hiện một cách sinh động và phong phú trong thực tiễn kháng chiến của quân dân ta trên tất cả mọi mặt hoạt động kháng chiến.

Đường lối kháng chiến của Đảng và Hồ Chủ tịch ngày càng phát triển hoàn chỉnh hơn trong quá trình kháng chiến, nhất là qua Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951 và qua các hội nghị của Ban chấp hành Trung ương Đảng trong những năm cuối kháng chiến.

3/Ý nghĩa.

Chính nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhờ có quyết tâm cao của toàn dân mà chúng ta giành được thắng lợi cuối cùng.

Đường lối kháng chiến của Đảng thấm nhuần tư tưởng chiến tranh nhân dân sâu sắc, mang tính chính nghĩa, nên được nhân dân ủng hộ.

Nhân dân luôn luôn mong muốn hòa bình và kiên quyết đấu tranh cho một nền hòa bình chân chính.

Đường lối kháng chiến đúng đắn là ngọn cờ đoàn kết, động viên toàn dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

56. Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947.

a/Hoàn cảnh:

- 3 / 1947, Bolaec được cử sang làm cao uỷ của Pháp ở Đông Dương→Thực hiện kế hoạch tấn công Việt Bắc
- Pháp huy động 12.000 quân mở cuộc tiến công Việt Bắc

b/ Diễn biến:

- Kế hoạch của Pháp:

+ Ngày 7 / 10 / 1947, Pháp cho 1 bộ phận quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Đồn, Chợ Mới . . .

+ Cùng ngày cho lực lượng bộ binh theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng xuống Bắc Cạn.

+ Ngày 9 / 10 / 1947, thuỷ quân theo đường sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, Chiêm Hóa tạo thành thế 2 gọng kềm bao vây Việt Bắc.

- Chủ trương của ta:

+ Ngày 15 / 10 / 1947, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị " phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp".

+ Ta chủ trương thực hiện " vườn không nhà trống", di chuyển, sơ tán dân cư, kho tàng ra khỏi nơi có thể xảy ra chiến sự .

- Diễn biến:

+ Quân dù vị ta bao vây, tập kích.

+ Quân bộ bị ta chặn đánh trên đường số 4 với trận đèo Bông Lau (30/10/1947) diệt 27 xe và 240 tên

+ Quân thủy bị ta đánh ở Đoan Hùng, Khe Lau, Tuyên Quang, Chiêm Hoá diệt nhiều tàu và ca nô.

+ 19/12/1947 Pháp rút khỏi Việt Bắc kết thúc chiến dịch .

c / Kết quả – ý nghĩa :

- Ta loại khỏi vòng chiến hơn 6000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến – cano.
- Bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến và căn cứ địa Việt Bắc.
- Bộ đội chủ lực của ta trưởng thành qua chiến đấu (Trình độ chiến thuật, được trang bị thêm về vũ khí)
- Đưa cuộc kháng chiến của ta bước sang giai đoạn mới
- Ta đánh bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, buộc chúng phải đánh lâu dài với ta, thực hiện chính sch " dng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuơi chiến tranh".

d/ Tại sao nói với chiến thắng Việt Bắc quân và dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược " đánh nhanh, thắng nhanh" cuả thực dân Pháp?

- Ngay từ đầu cuộc chiến tranh, Pháp thực hiện âm mưu " đánh nhanh, thắng nhanh". Cuộc tấn công lên Việt Bắc nằm trong âm mưu đó, nhưng thực dân Pháp không đạt được những mục tiêu chiến lược đề ra là tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- Với chiến thắnng Việt Bắc quân dân ta đã đánh bại hòan toàn chiến lược " đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

57. Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950.

1/Hoàn cảnh lịch sử.

***a/ Thuận lợi*:**

+ Thế giới: Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc thành công, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

+ Tháng 1/1950, lần lượt các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta

b/ Khó khăn:

+ Ngày 13/5/1950, với sự đồng ý của Mĩ, Pháp đưa ra kế hoạch Rơve, tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4, thiết lập hành lang Đông Tây và chuẩn bị tấn công lên Việt bắc lần thứ hai nhằm kết thúc nhanh chiến tranh, gây cho ta nhiều khó khăn. Nhưng thuận lợi vẫn là cơ bản.
+ Trước tình hình đó ta chủ trương: Tháng 6/1950, Đảng và chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên Giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch. Khai thông tuyến biên giới Việt Trung. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
***c/ Diễn biến*:**
+ Ngày 16/9/1950, ta mở màn đánh Đông Khê, đường số 4 bị cắt làm đôi. Thất Khê bị uy hiếp, thị xã cao Bằng bị cô lập.
+ Pháp một mặt cho quân đánh Thái Nguyên nhằm giảm bớt sự chú ý của ta, mặt khác rút quân từ cao Bằng về, từ Thất Khê lên để lấy lại Đông Khê.
+ Trên đường số 4, ta mai phục chặn đánh địch khiến cho các cánh quân không gặp được nhau. Pháp lần lượt rút khỏi các cứ điểm trên đường số 4. Đến 22/10/1950, đường số 4 được giải phóng .
+ Tại Thái Nguyên, ta cũng đánh tan cuộc hành quân của địch.
d/ Kết quả, ý nghĩa:
+ Loại khỏi vòng chiến đấu 8000 tên địch, giải phóng biên giới Việt Trung.
+ Chọc thủng hành lang Đông Tây làm phá sản kế hoạch Rơve của Pháp.
+ Ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
g/ Tại sao nói chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 đã đánh dấu bước tiến vướt bậc của quân đội ta ?
- Đây là chiến dịch lớn ta chủ động mở để tiêu diệt sinh lực địch.
- Là chiến dịch thể hiện khả năng chỉ huy và chiến đấu của quân đội ta:
  + Ta huy động tới 3 vạn quân, 4.000 tấn lương thực, vũ khí . . .
  + Chủ động đánh vào các cứ điểm kiên cố nhất của địch.
  + Chiến đấu trong thời gian dài

Bài 19
BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)

58. Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Đại hội Đảng lần II (2/1951).
1/Hoàn cảnh tiến hành Đại hội Đảng lần II.
Sau chiến thắng Biên giới 1950, cuộc kháng chiến của ta bước sang thời kì mới:
-Ta giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.
-Pháp được Mỹ giúp sức kéo dài chiến tranh, cố gắng giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính.
-Cuộc kháng chiến của 3 nước ĐD có bước phát triển mới, đạt nhiều thắng lợi quan trọng.

Để đáp ứng những đòi hỏi mới của cách mạng Việt Nam, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến. Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiến hành Đại hội Đảng lần thứ II.

Đại hội đã họp ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) từ ngày 11 đến 19/2/1951 để hoạch định đường lối, chủ trương cho phù hợp với tình hình mới.

2/Nội dung Đại hội.

- Đại hội thông qua hai bản báo cáo quan trọng:

+ Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí minh trình bày đã tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng qua các giai đoạn. Phê phán những tư tưởng sai lầm đã nảy nở trong kháng chiến. Nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này : "Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn đế quốc Mỹ, giành độc lập, bảo vệ hòa bình cho thế giới"

+ Đại hội còn thảo luận và thông qua báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do Trường Chinh trình bày, trong đó nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạnh Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho dân tộc

+ Đại hội thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản trên mọi lĩnh vực, củng cố chính quyền, xây dựng quân đội, củng cố mặt trận, để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng.

-Đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam và đưa Đảng ra hoạt động công khai.

-Hai nước Lào, Campuchia xây dựng đảng cách mạng riêng thích hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở từng nước.

-Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ mới.

-Quyết định xuất bản báo Nhân dân, cơ quan trung ương của Đảng.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành Trung ương, Bộ chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

3/Ý nghĩa của Đại hội.

Đại hội toàn quốc lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta.

Đường lối do Đại hội vạch ra đã đáp ứng yêu cầu trước mắt của cuộc kháng chiến và yêu cầu lâu dài của cách mạng, thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày càng to lớn.

Chủ trương từ một Đảng Cộng sản Đông Dương thành 3 đảng Marx Lenin của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia và đưa Đảng Lao động Việt Nam ra hoạt động công khai của Đại hội là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm tình hình xã hội, với nguyện vọng của nhân dân.

Do đó, quan hệ giữa Đảng và quần chúng được tăng cường.

Đây là Đại hội công khai lần đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đại hội kháng chiến kiến quốc của Đảng Lao động Việt Nam.

Bài 20

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

59. Chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954

1.Âm mưu của Pháp.

a.Hoàn cảnh lịch sử.

Sau 8 năm xâm lược Pháp bị suy yếu nghiêm trọng: thiệt hại 39 vạn quân, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, chiến phí tăng cao, chính trị, kinh tế, tài chính gặp khó khăn, bế tắc.

Để cứu vãn tình thế, tháng 5/1953, Mỹ giúp Pháp thực hiện kế hoạch Navarre nhằm giành thắng lợi về quân sự, hòng xoay chuyển tình thế chiến tranh.

b.Nội dung kế hoạch Navarre.

-Thời gian thực hiện là 18 tháng, chia làm 2 bước :

Bước 1 (thu đông 1953 và xuân 1954) : giữ thế phòng thủ ở miền Bắc và tiến công ở miền Nam, mở rộng ngụy quân, xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

Bước 2 (thu 1954) : chuyển sang thế tiến công chiến lược ở miền Bắc, cố giành thắng lợi quân sự để buộc ta phải đàm phán .

- Để thực hiện kế hoạch trên, Pháp đã:

+ Ráo riết bình định và bắt lính. Quân số quân Pháp tăng lên 84 tiểu đoàn.

+ Đồng thời Pháp tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn cơ động.

+ Mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn ở Bắc Bộ, Lạng Sơn, Bình Trị Thiên, Nam Bộ, phá hoại vùng tự do của ta.

2.Chủ trương (kế hoạch) của ta.

- Tập trung lực lượng tấn công vào những vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu, buộc chúng phải phân tán lực lượng để đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu mà địch không thể bỏ qua.

- Phương châm của ta: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, chắc thắng, trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh.

3.Diễn biến.

+ *Nội dung kế hoạch Nava*:

. **Bước 1**: Giữ thế phòng ngự ở Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và nam Đông Dương, xây dựng lực lượng cơ động mạnh.

. **Bước 2:**Tấn công chiến lược Bắc Bộ→ giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán có lợi cho chúng.

- Chủ trương của ta: Tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược, nhưng ở đó địch tương đối yếu nhằm tiêu hao sinh lực địch, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Phương châm tác chiến: " Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt… đánh ăn chắc tiến ăn chắc…"

- **Diễn biến**: Pháp tập trung 44 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ tiến hành càn quét, cho quân nhảy dù tập kích Lạng Sơn…Ta chủ động một loạt các chiến dịch để phân tán lực lượng địch.

+ Chủ lực ta tiến lên Tây Bắc, Pháp vội nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Quân ta giải phóng được lai Châu và bao vây Điện Biên Phủ, Pháp vội điều quân tăng cường cho ĐBP. ĐBP trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.

+ **Chiến dịch Trung Lào**: Phối hợp với quân giải phóng Pa Thet Lào ta giải phóng Thà Khẹt, vây Sênô, buộc địch phải tăng cường cho Sênô (nơi tập trung quân thứ ba của Pháp)
+ **Chiến dịch Tây Nguyên**:Đầu năm 1954 ta tấn công Tây Nguyên, giải phóng thị xã KomTum và vây Pleiku, Pháp phải tăng cường lực lượng cho Tây Nguyên (Pleiku trở thành nơi tập trung quân thứ tư của Pháp).
+ **Chiến dịch Thượng Lào**: Lực lượng Lào Việt Giải phóng giải phóng Phong Sa lì, vây Luông Pha Băng, Pháp phải tăng cường cho Luông Pha Băng (luông Pha băng là nơi tập quân thứ năm của Pháp).
Như vậy khối cơ động của Nava định tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ đã bị ta chủ động phân tán thành 5 nơi. Điện Biên Phủ bị cô lập. Kế hoạch Nava bước đầu đã bị phá sản. Tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi lớn ở Điện Biên Phủ.

60. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

1.Âm mưu của Pháp.

- Trong quá trình triển khai kế hoạch Navarre, Pháp – Mỹ đánh giá Điện Biên Phủ là một địa bàn chiến lược quan trọng bậc nhất Đông Dương, có thể trở thành căn cứ lục quân và không quân chiến lược lợi hại trong mưu đồ xâm lược Đông Dương và Đông Nam Á.
- Trong tình thế kế hoạch Navarre bị phá sản, Pháp – Mỹ đã tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ĐD, biến thành trung tâm điểm của kế hoạch Navarre.
- Điện Biên Phủ được Pháp – Mỹ đánh giá là "pháo đài không thể công phá", nhằm thu hút lực lượng ta vào đây để tiêu diệt.
- Pháp bố trí Điện Biên Phủ thành 1 hệ thống phòng ngự kiên cố gồm 49 cứ điểm, 2 sân bay, chia thành 3 phân khu với 16200 quân, đủ các binh chủng và phương tiện chiến tranh hiện đại.

2. Chủ trương của ta.

- Trung ương Đảng hạ quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.
- Ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với Pháp vì :
+ Điện Biên Phủ chỉ tiếp tế được bằng đường hàng không khi đường bộ bị cô lập.
+ Quân đội, hậu phương ta đang phát triển thuận lợi, có thể khắc phục được khó khăn về đường sá, vận tải, tiếp tế.

Quân dân ta tích cực chuẩn bị với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ".

Hàng vạn dân công, công binh ngày đêm bạt núi xuyên rừng, đào đắp hàng trăm km đường và bằng mọi phương tiện sẵn có vận chuyển hàng vạn tấn lương thực, vũ khí … ra mặt trận.

55000 quân ta từ các nơi gấp rút hành quân về thắt chặt vòng vây Điện Biên Phủ.

3.Diễn biến.

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra trong 3 đợt :

-Đợt 1 (13/3/1954 – 17/3/1954): ta tiêu diệt Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, diệt 2000 tên địch và phá hủy 26 máy bay.

-Đợt 2 (30/3/1954 – 26/4/1954): ta tấn công các cứ điểm phía Đông phân khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt trên các đồi A1, C1. Đồng thời ta khép chặt vòng vây khu trung tâm bằng hệ thống giao thông hào, khống chế sân bay, cắt đường tiếp tế duy nhất của địch. Pháp lâm vào tình thế vô cùng nguy khốn.

-Đợt 3 (1/5/1954 – 7/5/1954): tiêu diệt khu trung tâm Mường Thanh, Hồng Cúm. 17h30 ngày 7/5/1954, bắt sống De Castrie và toàn bộ Ban Tham mưu địch, chiến dịch hoàn toàn thắng lợi.

4.Kết quả.

-Trong Đông – Xuân 1953 – 1954 ta loại khỏi vòng chiến đấu **128.200** tên, 19000 súng, 162 máy bay , 81 đại bác…

-Riêng ĐBP diệt và bắt sống **16200** tên, hạ 62 máy bay và các phương tiện chiến tranh.

-Giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, đập tan kế hoạch Nava và mọi mưu đồ của Mỹ.

5.Ý nghĩa.

+Trong nước.

-Điện Biên Phủ là thắng lợi oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

-Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tác động mạnh đến quá trình diễn biến của Hội nghị Genève 1954 về Đông Dương, quyết định đến việc chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

-Thể hiện cao độ truyền thống yêu nước, tinh thần quyết chiến quyết thắng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân dân ta.

+Thế giới.

-Chiến thắng Điện Biên Phủ làm nức lòng nhân dân thế giới.

-Cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

-Làm lung lay hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.

61. Hãy trình bày diễn biến, nội dung chủ yếu, ý nghĩa và hạn chế của Hiệp định Genève. Nội dung nào trong Hiệp định thể hiện thắng lợi lớn nhất của ta ?

1/Diễn biến của Hội nghị Genève.

-Lập trường của ta từ những ngày đầu kháng chiến là sẵn sàng thương lượng để giải quyết vấn đề VN.

-Từ 1953, vì thất bại trên chiến trường nên Pháp thay đổi thái độ, chịu đàm phán với ta.

-Tháng 1-1954, hội nghị ngoại trưởng của các nước; Liên Xô ,Anh ,Pháp ,Mỹ họp ở Đức thỏa thuận triệu tập hội nghị Genève để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Triều Tiên và Đông Dương.

-Hội nghị Genève về Đông Dương bắt đầu họp ngày 26/4/1954, khi các trận đánh ở Điện Biên Phủ bước vào thời kỳ cuối cùng, đang hết sức quyết liệt.

-4/5/1954, phái đoàn chính phủ ta do thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến dự hội nghị với tư thế của một dân tộc đang chiến thắng.

-7/5/1954, ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thì ngày 8/5/1954 Hội nghị Genève bắt đầu thảo luận vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương.

-Trong quá trình đấu tranh trên bàn hội nghị, ta cương quyết giữ vững lập trường: độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Do Pháp ngày càng lún sâu trên chiến trường Đông Dương và phong trào phản chiến của nhân dân Pháp lên cao nên Hiệp định Genève về Đông Dương đã được ký kết vào ngày 21/7/1954. Hiệp định dược ký kết là sự phối hợp của 2 mặt trận: đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao.

Với Hiệp định Genève, lần đầu tiên trong lịch sử, các nước đế quốc buộc phải công nhận về mặt pháp lý quyền độc lập của một nước thuộc địa đã trải qua con đường dùng bạo lực giành cuộc sống tự do độc lập.

Đó là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

2/Nội dung chủ yếu.

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Genève được kí kết bao gồm những nội dung cơ bản sau :

-Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia.

-Không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước đó.

-Để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, hai bên cùng thực hiện ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực.

-Lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải) làm giới tuyến quân sự tạm thời cùng một khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến.

Hiệp định cấm việc đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương.

-Các nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương.

-Các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự.

-Không để các nước khác dùng lãnh thổ của mình để gây lại chiến tranh hoặc để phục vụ mục đích xâm lược.

-Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956 dưới sự kiểm soát của một Uy ban quốc tế.

-Trách nhiệm thi hành Hiệp định Genève thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

3/Hạn chế.

-Việt Nam mới được giải phóng một nửa nước (từ vĩ tuyến 17 ra Bắc).

-Lào chỉ có 2 tỉnh (Sầm Nưa và Phongxalì) được giải phóng.

-Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến không có vùng tập kết nên phải giải ngũ.

4/Nội dung thể hiện thắng lợi.

Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia, không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước đó, thể hiện thắng lợi lớn nhất của ta.

5/Ý nghĩa.

-Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Genève đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung, mở ra một thời kì mới cho dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

-Bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Tám.

-Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

-Là thắng lợi của cuộc đấu tranh trường kì, anh dũng của 3 dân tộc: VN, Lào, Campuchia.

-Là thắng lợi của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp.

-Cổ vũ cuộc đấu tranh của các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập dân tộc.

Hiệp định Genève đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam sau này. Đặc biệt là bài học kinh nghiệm về đấu tranh quân sự song song với đấu tranh ngoại giao.

62. Hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- <u>Ý nghĩa lịch sử</u>:

+ Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp gần một thế kỉ trên đất nước ta.

+ Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

+ Giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ la tinh.

- <u>Nguyên nhân thắng lợi</u>:

+ Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh.

+ Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng.

+ Lực lượng vũ trang 3 thứ quân được xây dựng, không ngừng lớn mạnh.

+ Hậu phương vững chắc.

+ Tinh thần đoàn kết chiến đấu giữa 3 dân tộc Đông Dương, sự ủng hộ của Trung quốc, Liên Xô, và các nước XHCN khác.

Bài 21.

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC. ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (19 54 – 1965)

63. *Phong trào "Đồng khởi" (1959-1960).*

a. Nguyên nhân:

- 1957-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành chính sách " Tố cộng, diệt cộng", ra đạo luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, lê máy chém khắp miền Nam làm lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng, đòi hỏi phải có biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn.
- Tháng 1/1959, hội nghị trung ương Đảng lần thứ 15 xác định: Cách mạng Miền Nam không có con đường nào khác là sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệ. Phương hướng cơ bản là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân bằng lực lượng vũ trang.

***b. Diễn biến**:*

- Lúc đầu phong trào nổ ra lẻ tẻ ở từng địa phương như Vĩnh Thạnh, Bác Ái (2/1959), Trà Bồng (8-1959)…, sau đó lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu là cuộc " Đồng Khởi" ở Bến Tre.
- Ngày 17/1/1960, Đồng Khởi nổ ra ở 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre), từ đó lan ra các huyện Giồng Trôm, Ba Tri, Thạnh Phú, Châu Thành…)
- Quần chúng giải tán chính quyền địch, lập ủy ban nhân dân tự quản, lập lực lượng vũ trang, thu ruộng đất của địa chủ, cường hào chia lại cho dân nghèo.
- Phong trào lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung Bộ. Cuối năm 1960 làm chủ 600/1298 xã ở Nam Bộ, 3200/5721 thôn ở Tây Nguyên, 904/3829 thôn ở Trung Trung Bộ.

c. <u>Ý nghĩa</u>:

* <u>Đối với Mỹ-Diệm</u>:

- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.
- Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

* <u>Về phía ta</u>:

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam: Từ giữ gìn lực lượng sang tiến công.
- Từ khí thế đó, 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đoàn kết toàn dân đấu tranh chống Mỹ-Diệm, lập chính quyền cách mạng dưới hình thức Ủy ban nhân dân tự quản

d/ Tại sao nói thắng lợi của phong trào "Đồng Khởi " đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam ?

- Đã làm lung lay tận gốc chế độ Mĩ – Diệm ở miền Nam .
- Làm cho lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam xuất hiện. Hai lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang đều lớn mạnh .

- Vùng giải phóng ở miền Nam nước ta ra đời .

- Cách mạng miền Nam đi từ thế giữ gìn, bảo vệ lực lượng và cơ sở cách mạng sang thời kì tiến công để đánh đổ chế độ thống trị của Mĩ – Diệm, giải phóng miền Nam hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

64. Nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).

***a. Hoàn cảnh* :**

- Giữa lúc cách mạng hai miền Nam, Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao Động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III từ ngày 5 đến 10/9/1960 tại Hà Nội.

***b. Nội dung**:*

- Đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước và từng miền.

+ Miền Bắc: cách mạng XHCN có vai trò quyết định nhất.

+ Miền Nam: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có vai trò quyết định trực tiếp.

+ Cách mạng hai miền: Có quan hệ mật thiết, gắn bó nhau nhằm hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

+ Thảo luận báo cáo chính trị, báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng.

+ Thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) xây dưngh CNXH ở miền Bắc.

+ Bầu BCH Trung Ương Đảng do Hồ Chí Minh làm chủ tịch nước và Lê Duẩn làm Tổng Bí Thư.

**** Ý nghĩa***: Là Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà

65. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ - nguỵ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Quân và dân ta đã chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ - nguỵ như thế nào?

1/ Chiến lược " Chiến tranh đặc biệt"của Mỹ (1961 – 1965)

a. Hoàn cảnh: Cuối năm 1960, sau phong trào "Đồng Khởi" ở miền Nam, Mỹ đề ra và thực hiện "chiến tranh đặc biệt"(1960-1965) ở miền Nam Việt nam.

***b. Âm mưu**:*

- Là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ, nhằm chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta.
- Âm mưu cơ bản: " dùng người Việt đánh người Việt"

c. Thủ đoạn:

- Đề ra kế hoạch Staley- Taylor, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
- Tăng viện trợ quân sự cho Diệm, tăng cường cố vấn Mỹ và lực lượng quân đội Sài Gòn.
- Tiến hành dồn dân lập "Ấp chiến lược", trang bị hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như "trực thăng vận" và "thiết xa vận".
- Thành lập bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam.

- Mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành nhiều hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

2/ Quân và dân ta đã chống chiến lược ciến tranh đặc biệt của Mỹ- ngụy:

- Đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam, tháng 1 / 1961, Trung ương cục miền Nam ra đời; tháng 2 / 1961, Quân giải phóng miền Nam thành lập.
- Mặt trận dân tộc giải phóng miền nam VN và Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy tiến công địch trên ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị) , bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận).

- Đánh bạy kế hoạch Staley- Taylor (1961-1963): bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

- 1961-1962: quân giải phóng đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch.
- Đấu tranh và phá Ấp chiến lược: diễn ra gây go quyết liệt giữa ta và địch. Ta phá ấp chiến lược đi đôi với dựng làng chiến đấu. Cuối 1962, ta kiểm soát trên nửa tổng số ấp với 70% nông dân ở miền Nam.

- Đấu tranh quân sự:

Ngày 2-1-1963, quân ta thắng lớn ở trận Ấp Bắc (Mỹ Tho), đánh bại cuộc hành quân càn quét của 2000 Mỹ- ngụy Sài Gòn có cố vấn Mỹ chỉ huy với phương tiện chiến tranh hiện đại.

- Đấu tranh chính trị:

Diễn ra mạnh mẽ khắp các đô thị lớn, nổi bật là cuộc đấu tranh của đội quân tóc dài, của các tín đồ phật giáo…

→ Góp phần đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm

- Ngày 1.11.1963, Mỹ giật dây cho các tướng lĩnh Sài Gòn đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Chính quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng khủng hoảng.
- ***Đánh bại kế hoạch Johnson- Mac Namara***: Bình định miền Nam có trọng điểm trong hai năm (1964-1965)
- Đánh phá Ấp chiến lược: từng mảng lớn "Ấp chiến lược" của địch bị phá vỡ, làm phá sản cơ bản "xương sống" của chiến tranh đặc biệt.
- Đánh về quân sự: Đông- xuân 1964-1965, ta thắng lớn ở trận Bình Giã (2-12-1964), loại 1700 tên địch khỏi vòng chiến , đánh bại chiến lược " Trực thăng vận" và "thiết xa vận"
- Sau đó, ta tiếp tục ta giành thắng lợi ở An Lão, Ba Gia, Đồng xoài…→ Làm pha sản cơ bản chiến lược " chiến tranh đặc biệt" của Mỹ

**** Ý nghĩa***:

- Mỹ đã thất bại trong việc sử dụng miền nam làm thí điểm một loại hình chiến tranh để đàn áp phong trào cách mạng trên thế giới.
- Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược " chiến tranh cục bộ"(tức thừa nhận sự thất bại của chiến tranh đặc biệt)
- Chứng tỏ đường lối lãnh đạo của Đảng là đúng đắn và sự trưởng thành nhanh chóng của quân Giải phóng miền Nam.

Bài 22.

HAI MIỀN ĐẤT NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC. MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965-1973).

66. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ - nguỵ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Quân và dân ta đã chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ - nguỵ như thế nào?

1. Chiến lược " Chiến tranh cục bộ" của Mỹ (1965 – 1968)

a. Âm mưu:

Giữa 1965, trước nguy cơ chiến lược "chiến tranh đặc biệt" bị phá sản, Mỹ phải chuyển sang chiến lược " chiến tranhn cục bộ" ở miền Nam và mở rộng phá hoại ra miền Bắc.. Đây là hình thức chiến tranh xâm lược kiểu mới, được tiến hành bằng lực lượng viễn chinh Mỹ là chủ yếu cùng quân đồng minh và quân đội Sài Gòn với các phương tiện chiến tranh hiện đại. Quân số lúc cao nhất 1969 lên đến1,5 triệu tên (Mỹ hơn 0,5 triệu)

b. Thủ đoạn:

- Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền nam và tăng cường phát triển ngụy quân. Với ưu thế về quân sự. Mỹ cho mở cuộc hành quân " ***Tìm, diệt***" vào Vạn Tường và hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966, 1966-1967 nhằm "tìm,diệt" và "bình định" vào vùng căn cứ kháng chiến.

2 / Quân dân miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh cục bộ" của Mỹ

Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến tranh cục bộ bằng sức mạnh cả dân tộc, của tiền tuyến, hậu phương với ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược.

a. Quân sự:

+ Trận Vạn Tường (Quãng Ngãi) : 18-8-1965 Mỹ huy động 9000 quân tấn công Vạn Tường.

+ Kết quả: Sau 1 ngày chiến đấu, ta loại khỏi vòng chiến 900 địch, 22 xe tăng, 13 máy bay.

+ Ý nghĩa: Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc", đối với Mỹ Tho, mở đầu cho cao trào " Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên khắp miền Nam.

- Cuộc phản công 2 mùa khô:

+ 1965-1966:

. Mỹ huy động 72 vạn quân (22 vạn Mỹ và đồng minh), mở 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân " tìm diệt" lớn, nhắm vào hai hướng chiến lược chính: Liên khu V và Đông Nam Bộ

. Ta tấn công khắp nơi, giành nhiều thắng lợi, loại khỏi vòng chiến 104000 địch (có 45500 Mỹ và đồng minh), bắn rơi 1430 máy bay.

+ 1966-1967:

. Mỹ huy động 98 vạn quân (44 vạn Mỹ và đồng minh), mở 895 cuộc hành quân, có 3 cuộc hành quân " bình định" và " tìm diệt" lớn, tiêu biểu là Gian- xơn Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

+ Ta tấn công khắp nơi, đập tan cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của Mỹ, loại khỏi vòng chiến 151.000 địch (73.500 Mỹ và đồng minh), bắn rơi 1231 máy bay.

- Phát huy thế thắng lợi sau 2 mùa khô, năm 1968 ta chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận quân ***Mĩ và đồng minh, buộc Mĩ phải đàm phán rút quân về***

b. Chính trị

Khắp nơi từ thành thị đến nông thôn , nhân dân nổi dậy đấu tranh trừng trị ác ôn, phá Ấp chiến lược, đòi Mỹ rút về nước , đòi tự do dân chủ.

Uy tín mặt trận dân tộc GPMN Việt Nam lên cao. Cương lĩnh của mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức khu vực ủng hộ.

c . Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam

- Giống nhau : đều là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ
- Khác nhau :

+ "Chiến tranh đặc biệt" được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, vũ khí trang bị kĩ thuật của Mỹ.

+ "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu và quân đội tay sai, trong đó người Mỹ giữ vai trò quan trọng.

+ "Chiến tranh đặc biệt" chỉ tiến hành ở miền Nam; "Chiến tranh cục bộ" không những tiến hành ở miền Nam mà còn mở rộng chiến tranh phá hoại ở miền Bắc .

+ Về qui mô, " Chiến tranh cục bộ" lớn hơn và ác liệt hơn "Chiến tranh đặc biệt"

67. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968

****. Hoàn cảnh lịch sử:***

- Ta thắng lợi trên cả 2 mặt trận chính trị và quân sự
- Lợi dụng mâu thuẫn trong bầu cử Tổng thống Mỹ.

****. Mục tiêu:*** Tiêu diệt bộ phận quan trọng quân viễn chinh Mỹ, làm sụp đổ ngụy quyền, buộc Mỹ phải tiến hành đàm phán rút quân.

****. Diễn biến*** : 3 đợt

+ <u>Đợt 1</u>: Từ 30/1/1968 đến 25/02/1968: Ta đồng loạt tấn công 37/44 tỉnh, 4/6 đô thị, 64/242 quận.

- Tại Sài Gòn: Ta tấn công các vị trí đầu não của địch (Dinh Độc lập,Toà đại sứ Mỹ,Bộ tổng tham mưu Ngụy, Tổng nha cảnh sát Sài Gòn , sân bay Tân Sơn Nhất ,đài phát thanh...).

- Kết quả: Ta loại khỏi vòng chiến **147.000 địch** (43000 Mỹ), phá hủy khối lượng lớn vật chất và các phương tiện chiến tranh của địch.

+ Đợt 2 (tháng 5, 6) và đợt 3 (tháng 8, 9): Ta gặp nhiều khó khăn và tổn thất

+ ***Nguyên nhân:*** Do ta "*chủ quan trong đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế..., không kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm để đánh giá tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời, chậm thấy những cố gắng mới của địch và khó khăn lúc đó của ta*"

****. Ý nghĩa***

- Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ .

- Buộc Mỹ phải tuyên bố " phi Mỹ hoá" chiến tranh (tức thừa nhận thất bại chiến tranh cục bộ) và chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đến bàn hội nghị Paris đàm phán về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

68. Âm mưu thủ đoạn của Mĩ - nguỵ trong chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh quân và dân ta đã chiến đấu và chống chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh của Mĩ - nguỵ như thế nào?

**** Chiến lược "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mỹ.***

***a. Bối cảnh*:**

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mỹ phải chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa" và "Đông Dương hóa" chiến tranh.

b. Âm mưu:

- Đây là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp của hỏa lực và không quân Mỹ, vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Mở rộng xâm lược Lào và Campuchia, thực hiện âm mưu "Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

- *Mỹ tăng viện trợ giúp quân số ngụy tăng lên 1 triệu người cùng với trang thiết bị hiện đại để quân ngụy tự gánh vác được chiến tranh.*

****. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh và "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mỹ***.

- Chiến đấu chống "Việt Nam hóa chiến tranh" là chống lại cuộc chiến tranh toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương. Ta vừa chiến đấu trên chiến trường vừa đấu tranh trên bàn đàm phán với địch.

– 1969: thực hiện lời chúc Tết của Bác Hồ, cả nước đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

a. Thắng lợi về chính trị

- **Ngày 6.6.1969**, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập, được 23 nước công nhận, 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- **Ngày 24 – 25.04.1970** : Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương quyết tâm đoàn kết chống Mỹ.
- Ở các nơi khác, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân và sinh viên, học sinh nổ ra liên tục.
- Quần chúng nổi dậy phá "Ấp chiến lược", chống "bình định". Đầu năm 1971, cách mạng làm chủ thêm 3600 ấp với 3 triệu dân

b. Thắng lợi quân sự:

- **Ngày 30./ 04 – 30./ 06/.1970,** quân dân Việt – Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn Mỹ và quân Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến 17.000 địch, giải phóng 5 tỉnh đông bắc với 4,5 triệu dân.
- Từ 12.02 đến 23.03 / 1971, quân dân Việt – Lào đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 719" nhằm chiếm giữ đường 9 – Nam Lào của 4, 5 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến 22.000 địch, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.
-Từ 30-3-1972 ➔ Cuối tháng 6-1972 ta mở cuộc tiến công chiến lược khắp MN, chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng trị, Tây Nguyên và Đông Nam bộ

c. Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965-1968) & "Việt Nam hoá chiến tranh"(1969-1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

**** Giống nhau***

- Đều là loại hình chiến tranh xâm lược kiểu mới của Mỹ,nhằm biến MN thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

**** Khác nhau***

-Lực lượng:
+ "CTCB":Tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ,quân đồng minh,quân đội Sài Gòn.Trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng.
+ "VNH chiến tranh":Tiến hành bằng quân đội Sài Gòn đựơc sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" quân sự Mỹ.Trong đó quân đội Sài Gòn giữu vai trò chủ yếu.
-Biện pháp:
+ " CTCB": Mỹ tiến hành các cuộc hành quân "Tìm diệt" & "Bình định" vào căn cứ quân giải phóng...
+ "VNHCT":Rút dần quân Mỹ, tăng cường xây dựng lực lượng quân đội Sài Gòn.Tăng cường viện trợ quân sự...
-Quy mô:
+ "CTCB": Tiến hành chiến tranh xâm lược ở VN.
+ "VNHCT": Mở rộng chiến tranh trên toàn Đông Dương.

d / Theo anh (chị), quân và dân ta đã đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mỹ do những nguyên nhân chủ yếu nào ?

- Do sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng

- Lòng căm thù trước những tội ác tày trời của Mỹ và tay sai, nên nhân dân ta đã quyết tâm chiến đấu và sẵn sàng hi sinh .

- Sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới .

69. Cuộc Tiến công chiến lược 1972..

– **30/3/1972**: quân ta bất ngờ mở cuộc tiến công chiến lược, đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp miền Nam. Sau đó, địch phản công mạnh, gây cho ta nhiều thiệt hại. Mỹ tiến hành trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**** Ý nghĩa.***

- Giáng đòn mạnh vào chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

- Buộc Mỹ phải tuyên bố "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh)

70. Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri (1/1973).

a. ***Hoàn cảnh***

Năm 1968, sau Mậu Thân 1968 và thắng lợi của ta trong chiến tranh phá hoại II, Mỹ phải thương lượng với ta_từ 13/5/1968 (Từ 25/1/1969, giữa 4 bên gồm Mỹ + Việt Nam Cộng hòa và Việt Nam dân chủ cộng hòa + Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam)

- Sau nhiều cuộc tiếp xúc, lập trường hai bên quá xa nhau: Việt Nam đòi Mỹ và đồng minh rút quân, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Ngược lại, Mỹ đòi miền Bắc rút quân và từ chối ký dự thảo Hiệp định dù đã thỏa thuận (10.1972)

- Tháng 12/1972, Mỹ mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội và Hải Phòng trong 12 ngày đêm. Việt Nam đập tan cuộc tập kích bằng không quân của Mỹ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mỹ phải trở lại ký Hiệp định Paris.

- Ngày 27/1/1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được ký kết giữa 4 Bộ trưởng đại diện các Chính phủ tham dự hội nghị.

b. ***Nội dung của Hiệp định Paris***

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam lúc 24 giờ ngày 27/01/1973 và Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động chống phá miền Bắc Việt Nam.

- Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu, phá hết các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

– Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị.

– Hai bên ngừng bắn, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.

c. Ý nghĩa lịch sử :

- HĐ được 12 nước công nhận về mặt pháp lí quốc tế.
- Là thắng lợi kết hợp đấu tranh QS,CT,NG,kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường của quân dân ta...mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
- Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta...
- Là thắng lợi lịch sử quan trọng tạo thời cơ thuận lợi để ta đánh cho "Nguỵ nhào".

Bài 23.
Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)

***71. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam**.?*

Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam:

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng, Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra ***kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 – 1976***, nhưng nhấn mạnh "***cả năm 1975 là thời cơ" và "nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975***".

***72. Diễn biến, kết quả của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975**.*

****Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975: diễn ra qua 3 chiến dịch.***

a. Chiến dịch Tây Nguyên (4/3 đến 24/3/1975)

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng mà ta và địch cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng. Bộ Chính trị quyết định ***chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.***

- Ngày **10/3/1975**, sau khi đánh nghi binh ở Pleiku, Kontum, ta tiến công và giải phóng buôn Mê Thuột. Ngày 12.03, địch phản công chiếm lại nhưng không thành.

- Ngày 14/3/1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt.

- Ngày **24.03.1975**, ta giải phóng Tây Nguyên với 60 vạn dân.

* **<u>Ý nghĩa</u> :** Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ ***tiến công chiến lược*** ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng ***tiến công chiến lược*** trên toàn chiến trường miền Nam.

b. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (21/3 đến 29/03/1975)

- Trong khi chiến dịch Tây Nguyên tiếp diễn, Bộ chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước hết là chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng.

- Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21/03 quân ta đánh thẳng vào căn cứ, chặn đường rút chạy và bao vây địch trong thành phố.

- ***25/03, ta tấn công vào Huế và hôm sau (26/03) giải phóng Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.***

- Trong cùng thời gian, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai, uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam. Đà Nẵng rơi vào thế cô lập, hơn 10 vạn quân địch bị dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu.

- Sáng **29/3** quân ta tiến công Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều ta chiếm toàn bộ thành phố.

- Cùng thời gian này, các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên, một số tỉnh ở Nam Bộ lần lượt được giải phóng.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26/4 đến 30/4/1975) :

- Sau hai chiến dịch, Bộ chính trị nhận định: ***"Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... trước tháng 5/1975***" với phương châm " thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên "***Chiến dịch Hồ Chí Minh".***

- Trước khi mở chiến dịch HCM**,** quân ta đánh Xuân Lộc, Phan Rang – những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ phía đông Sài Gòn, làm Mỹ – nguỵ hoảng loạn.

- *18/4/1975 : Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản người Mỹ .*

- 21/4, *Nguyễn Văn Thiệu từ chức tổng thống.*

- **17 giờ ngày 26/4,** quân ta mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

- ***10 giờ 45 phút ngày 30/4,*** xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt sống taòn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

– 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên tòa nhà Phủ tổng thống, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

– Các tỉnh còn lại của Nam Bộ, nhân dân đã nhất tề nổi dậy và tiến công theo phương thức xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh .

– **Ngày 2/5/1975**, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

d. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975

- Phân tích đúng tình hình, đề ra kế hoạch chính xác, dự kiến và kịp thời chóp đúng thời cơ:

+ Năm 1973 ra nghị quyết 21 của TW Đảng về sự chuẩn bị tiến công .

+ 18/12/1974 – 8/1/1975 : BCH TW Đảng họp đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975 – 1976) .

+ 3/1975 Bộ Chính tri khẳng định " thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam"

- Chỉ đạo tác chiến tài giỏi:

+ Điểm đúng huyệt quân thù : đánh Buôn Ma Thuột.

+ Bí mật, bất ngờ, thần tốc, táo bạo.

+ Linh hoạt cách đánh trong từng chiến dịch : đánh Buôn Ma Thuột với phương châm táo bạo, thọc sâu, còn trong chiến dịch Hồ Chí Minh tiến hành bao vây, cô lập chia cắt địch, diệt địch ở vòng ngoài rồi tiến vào Sài Gòn tiêu diệt đầu não địch ...

- Phối hợp tài tình giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, chiến trường chính và chiến trường phụ .

73 .Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

****Ý nghĩa :***

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

- Mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

* ***Nguyên nhân thắng lợi* :**

- Nguyên nhân chính là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp cách mạng.

- Hậu phương miền Bắc đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

- Nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ.

Bài 24. Xem qua.

Bài 25. Xem qua

Bài 26.

Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)

74. Tại sao Đảng ta quyết định thực hiện công cuộc đổi mới đất nước? Nội dung đường lối đổi mới đất nước của Đảng.

***- Nguyên nhân*:**

+ Chủ quan:

. Sau 10 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1985), cách mạng XHCN ở nước ta đạt nhiều thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, khiến đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết về kinh tế- xã hội.

. Nguyên nhân cơ bản: do ta mắc phải "Sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách, sai lầm về chỉ đạo chiến lược sách lược và tổ chức thực hiện".

. Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, Đảng và nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

+ Khách quan:

. Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng KHKT.

. Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước XHCN khác.

→ Đòi hỏi Đảng và nhà nước phải đổi mới.

***- Nội dung đường lối đổi mới*:**

+ Đề ra lần đầu tiên tại đại hội lần thứ VI (12.1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại đại hội VII (1991), VIII (1996), IX (2001)

+ Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho những mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về CNXH, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

+ Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế và chính trị gắn bó mật thiết, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

*** Về kinh tế:**

- Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.

- Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều qui mô, trình độ công nghệ.

- Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

*** Về chính trị:**

Xây dựng nhà nước XHCN, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Xây dựng nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị hợp tác.

75. Những thành tựu và ý nghĩa của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 2000.

*** Về kinh tế:**

- Về lương thực thực phẩm: Đạt 21,4 triệu tấn, từ thiếu ăn, phải nhập lương thực, năm 1990 chúng ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân.

- Hàng hóa trên thị trường: Dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó hàng trong nước tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Các cơ sở sản xuất gắn chật với nhu cầu thị trường, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

- Kinh tế đối ngoại: mở rộng về qui mô và hình thức.Từ 1986-1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần, nhiều mặt hàng coa giá trị lớn như gạo (1,5 triệu tấn- 1989), dầu thô…tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập khẩu.

- Kiềm chế được một bước lạm phát, từ 20% (1986) còn 4,4% (1990)

*** Ý nghĩa**:

- Hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường coa sự quản lí của Nhà nước. Đây là chủ trương chiến lược lâu dài của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân, khơi dậy được tiềm năng và sức sáng tạo của quần chúng để phát triển sản xuất và dịch vụ, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội.
- Thực hiện dân chủ hóa xã hội theo quan điểm" lấy dân làm gốc".

→ Chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bane là phù hợp.